消災延壽藥師儀法

TIÊU TAI DIÊN THỌ
DƯỢC SƯ SÁM PHÁP

Mục Lục

目 錄

Dược Sư Sám Nghi

1 . 藥 師 懺 儀 1

Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Sám Pháp Quyển Thượng

2. 消 災 延 壽 藥 師 懺 法 卷 上 32

Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Sám Pháp Quyển Trung

3 . 消 災 延 壽 藥 師 懺 法 卷 中 64

Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Sám Pháp Quyển Hạ

4 . 消 災 延 壽 藥 師 懺 法 卷 下.... 113

Dược Sư Sám Nghi

藥 師 懺 儀

Hương Tán

香 讚

Lư hương xạ nhiệt. Pháp giới mông huân

爐 香 乍 爇。 法 界 蒙 熏。

lú xiāng zhà rè fǎ jiè méng xūn

Dược Sư Hải Hội tất giao văn.

藥 師 海 會 悉 遙 聞。

yào shī hǎi huì xī yáo wén

Tùy xứ kết tường vân

隨 處 結 祥 雲。

suí chù jié xiáng yún

Thành ý phương ân. Chư Phật hiện toàn thân

誠 意 方 殷。 諸 佛 現 全 身。

chéng yì fāng yīn zhū fó xiàn quán shēn

Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

南 無 香 雲 蓋 菩 薩 摩 訶 薩 (三稱)

ná mó xiāng yún gài pú sà mó hē sà (3 x)

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛 (三稱)

ná mó běn shī shì jiā móu ní fó (3x)

Khai Kinh Kệ

開 經 偈

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp

無 上 甚 深 微 妙 法

wú shàng shèn shēn wéi miào fǎ

Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ

百 千 萬 劫 難 遭 遇

bǎi qiān wàn jié nán zāo yù

Ngã kim kiến văn đắc thọ trì

我 今 見 聞 得 受 持

wǒ jīn jiàn wén dé shòu chí

Nguyện giải Như Lai sám pháp nghĩa

願 解 如 來 懺 法 義

yuàn jiě rú lái chàn fǎ yì

Quỳ tụng một quyển Dược Sư Kinh hoặc Dược Sư Như Lai Thập Nhị Đại Nguyện.
跪誦藥師經一卷或藥師如來十二大願

Dược Sư Như Lai Thập Nhị Đại Nguyện

藥 師 如 來 十 二 大 願

yào shī rú lái shí èr dà yuan

Đức Phật bảo ngài Mạn Thù Sư Lợi: “Về phương Đông kia, cách

佛 告 曼 殊 室 利：“東 方 去 此 過

fó gào màn shū shì lì dōng fāng qù cǐ guò

đây mười hằng hà sa số Phật độ, có một thế giới tên

十 殑 伽 沙 等 佛 土， 有 世 界 名

shí qíng qié shā děng fó dù yǒu shì jiè míng

Tịnh Lưu Ly. Đức Phật hiệu là Dược Sư Lưu Ly Quang Như

淨 琉 璃， 佛 號 藥 師 琉 璃 光 如

jìng liú lí fó hào yào shī liú lí guāngrú

Lai, Ứng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn,

來， 應， 正 等 覺， 明 行 圓 滿，

lái yìng zhèng děng jué míng hèng yuán măn

Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự

善 逝， 世 間 解， 無 上 士， 調 御

shàn shì shì jiān jiě wú shàng shì tiáo yù

Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-Già-Phạm”

丈 夫， 天 人 師， 佛， 薄 伽 梵。”

zhàng fū tiān rén shī fó bó qié fàn

“Này Mạn Thù Sư Lợi! Khi Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang

“曼 殊 室 利！ 彼 世 尊 藥 師 琉 璃

màn shū shì lì bǐ shì zūn yào shī liú lí

Như Lai còn đương hành đạo Bồ Tát. Ngài đã phát ra mười hai

光 如 來 本 行 菩 薩 道 時， 發 十 二

guāng rú lái běn xíng pú sà dào shí fā shí èr

nguyện lớn, khiến cho hữu tình cầu gì cũng được”.

大 願， 令 諸 有 情， 所 求 皆 得”

dà yuàn lìng zhū yǒu qíng suǒ qiú jiē dé

Nguyện lớn thứ nhất: Nguyện đời sau này khi ta đắc

“第 一 大 願： 願 我 來 世 得 阿 耨

dì yī dà yuàn yuan wǒ lái shì dé ā nòu

A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thì tự thân ta sáng

多 羅 三 藐 三 菩 提 時， 自 身 光 明

duō luó sān miǎo sān pú tí shí zì shēn guāng míng

trưng vô số thế giới vô lượng vô số vô biên

熾 然， 照 耀 無 量 無 數 無 邊 世

chì rán zhào yào wú liàng wú shù wú biān shì

thế giới; dùng ba mươi hai tướng đại trượng phu, tám mươi

界，以三十二大丈夫相，八十

jiè yǐ sān shí èr dà zhàng fū xiàng bā shí

tùy hình để trang nghiêm thân, khiến cho hữu tình đều được tất

隨形，莊嚴其身；令一切有情

suí xíng zhuāng yán qí shēn lìng yí qiè yǒu qíng

cả như ta không khác.

如我無異”。

rú wǒ wú yì

Nguyện lớn thứ hai: Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo Vô

“第二大願：願我來世得菩提

dì èr dà yuàn yuàn wǒ lái shì dé pú tí

Thượng Bồ Đề, thì tự thân ta như ngọc lưu ly, sạch

時，身如琉璃，內外明徹，淨

shí shēn rú liú lí nèi wài míng chè jìng

không vết bẩn; quang minh rộng lớn, công đức cao vời;

無瑕穢；光明廣大，功德巍

wú xiá huì guāng míng guǎng dà gōng dé wéi

thân khéo ở yên trong lưới tia sáng trang nghiêm,

巍，身善安住，燄網莊嚴，過

wéi shēn shàn ān zhù yàn wǎng zhuāng yán guò

hơn cả mặt trời, mặt trăng; chúng sanh tối tăm đều được bừng

於 日 月；幽 冥 眾 生， 悉 蒙 開

yú rì yuè yōu míng zhòng shēng xī méng kāi

sáng, đâu cũng làm được mọi sự như ý.

曉， 隨 意 所 趣， 作 諸 事 業”。

xiǎo suí yì suǒ qù zuò zhū shì yè

Nguyện lớn thứ ba: Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo Vô

“第 三 大 願：願 我 來 世 得 菩 提

dì sān dà yuàn yuàn wǒ lái shì dé pú tí

Thượng Bồ Đề, ta dùng vô lương vô biên trí tuệ phương tiện,

時， 以 無 量 無 邊 智 慧 方 便， 令

shí yǐ wú liàng wú biān zhì huì fāng biàn lìng

khiến cho hữu tình đều được mọi vật thọ dụng vô cùng,

諸 有 情 皆 得 無 盡 所 受 用 物， 莫

zhū yǒu qíng jiē dé wú jìn suǒ shòu yòng wù mò

chẳng để chúng sanh có chỗ thiếu thốn.

令 眾 生， 有 所 乏 少”。

lìng zhòng shēng yǒu suǒ fá shǎo

Nguyện lớn thứ tư: Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo Vô

“第 四 大 願：願 我 菩 提 時， 若 諸

dì sì dà yuàn yuan wǒ pú tí shí ruò zhū

Thượng Bồ Đề, nếu có hữu tình tu hành tà đạo, ta khiến an trụ

有 情 行 邪 道 者， 悉 令 安 住 菩 提

yǒu qíng xíng xié dào zhě xī lìng ān zhù pú tí

vào trong chánh pháp. Thanh Văn, Độc Giác đều được

道 中；若 行 聲 聞 獨 覺 者， 皆 以

dào zhōng ruò xíng shēng wén dú jué zhě jie yǐ

an trụ trong đạo đại thừa.

大 乘 而 安 立 之”。

dà chèng ér ān lì zhī

Nguyện lớn thứ năm: Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo

“第 五 大 願：願 我 來 世 得 菩 提

dì wǔ dà yuàn yuàn wǒ lái shì dé pú tí

Vô Thượng Bồ Đề, vô lượng vô biên hữu tình, ở trong pháp Ta

時， 若 有 無 量 無 邊 有 情， 於 我

shí ruò yǒu wú liàng wú biān yǒu qíng yú wǒ

tu hành phạm hạnh thì ta khiến cho hết thảy được

法 中 修 行 梵 行， 一 切 皆 令 得

fǎ zhōng xiū xíng fàn hèng yí qiè jiē lìng dé

đủ giới tam tụ. Ai trót phạm giới,

不 缺 戒， 具 三 聚 戒；設 有 毀

bù quē jiè jù sān jù jiè shè yǒu huǐ

nghe tên ta rồi lại được tịnh giới,

犯，聞我名已，還得清淨，不

fàn wén wǒ míng yǐ huán dé qīng jìng bú

chẳng vào đường ác.

墮惡趣！”。

duò è qù

Nguyện lớn thứ sáu: Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo Vô

“第六大願：願我來世得菩提

dì liù dà yuàn yuàn wǒ lái shì dé pú tí

Thượng Bồ Đề, nếu những hữu tình, thân thể hèn kém,

時，若諸有情，其身下劣，諸

shí ruò zhū yǒu qíng qí shēn xià liè zhū

các căn chẳng đủ, xấu xa, ngu ngốc, mù, điếc,

根不具，醜陋，頑愚，盲，聾，

gēn bú jù chǒu lòu wán yú máng lóng

ngọng, câm, què quặt, còng lưng, hóa hủi, điên

瘖，啞，攣躄，背僂，白癩，顛

yīn yǎ luán bì bèi lóu bái lài diān

cuồng, bao nhiêu bệnh khổ, nghe tên ta rồi,

狂，種種病苦；聞我名已，一

kuáng zhǒng zhǒng bìng kǔ wén wǒ míng yǐ yí

hết thảy đều được đẹp đẽ, sáng suốt, mọi căn hoàn toàn,

切 皆 得 端 正 黠 慧，諸 根 完

qiè jiē dé duān zhèng xiá huì zhū gēn wán

không còn những tật khổ.

具，無 諸 疾 苦”。

jù wú zhū jí kǔ

Nguyện lớn thứ bảy: Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo Vô

“第 七 大 願：願 我 來 世 得 菩 提

dì qī dà yuàn yuàn wǒ lái shì dé pú tí

Thượng Bồ Đề, nếu những hữu tình mắc mọi bệnh khổ,

時，若 諸 有 情 眾 病 逼 切，無 救

shí ruò zhū yǒu qíng zhòng bìng bī qiè wú jiù

không ai cứu chữa, không chỗ nương tựa, không người thân thiết

無 歸，無 醫 無 藥，無 親 無 家，貧

wú guī wú yī wú yào wú qīn wú jiā pín

không cửa không nhà, bần cùng khốn khổ, một khi tên ta nghe lọt

窮 多 苦；聞 我 之 名 號，一 經 其

qióng duō kǔ wén wǒ zhī míng hào yì jīng qí

vào tai, mọi bệnh đều hết, thân thể yên vui, gia quyến

耳，眾 病 悉 除，身 心 安 樂，家 屬

ěr zhòng bìng xī chú shēn xīn ān lè jiā shǔ

tiền của thảy đều phong túc, rồi tu đắc đạo

資 具，悉 皆 豐 足，乃 至 證 得

zī jù xī jiē fēng zú nǎi zhì zhèng dé

Vô Thượng Bồ Đề.

無 上 菩 提”。

wú shàng pú tí

Nguyện lớn thứ tám: Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo Vô

“第 八 大 願：願 我 來 世 得 菩 提

dì bā dà yuàn yuàn wǒ lái shì dé pú tí

Thượng Bồ Đề, nếu có thân gái thấy trăm nỗi xấu, bức bách

時，若 有 女 人。為 女 百 惡 之 所

shí ruò yǒu nǚ rén wéi nǚ bǎi è zhī suǒ

khổ nảo, sinh lòng chán ngán, muốn bỏ thân gái,

逼 惱，極 生 厭 離，願 捨 女 身；

bī nǎo jí shēng yàn lí yuàn shě nǚ shēn

nghe tên ta rồi, thảy đều chuyển được thân gái thành

聞 我 名 已，一 切 皆 得 轉 女 成

wén wǒ míng yǐ yí qiè jiē dé zhuǎn nǚ chéng

trai, đủ tướng trượng phu, rồi tu đắc đạo Vô Thượng

男，具 丈 夫 相，乃 至 證 得 無 上

nán jù zhàng fū xiàng nǎi zhì zhèng dé wú shàng

Bồ Đề.

菩 提”。

pú tí

Nguyện lớn thứ chín: Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo Vô

“第 九 大 願：願 我 來 世 得 菩 提

dì jiǔ dà yuàn yuàn wǒ lái shì dé pú tí

Thượng Bồ Đề, khiến những loài hữu tình thoát chài lưới ma,

時，令 諸 有 情 出 魔 罥 網，解 脫

shí lìng zhū yǒu qíng chū mó juàn wǎng jiě tuō

thoát được hết thảy ngoại đạo ràng buộc; nếu lạc vào các rừng

一 切 外 道 纏 縛；若 墮 種 種 惡 見

yí qiè wài dào chán fú ruò duò zhǒng zhǒng è jiàn

rậm ác kiến, ta sẽ dắt dẫn lên đường chánh kiến,

稠 林，皆 當 引 攝 置 於 正 見，漸

chóu lín jiē dāng yǐn shè zhì yú zhèng jiàn jiàn

rồi tu tập dần mọi hạnh Bồ Tát, chóng chứng được đạo Vô

令 修 習 諸 菩 薩 行，速 證 無 上 正

lìng xiū xí zhū pú sà hèng sù zhèng wú shàng zhèng

Thượng Bồ Đề!

等 菩 提！”。

děng pú tí

Nguyện lớn thứ mười: Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo Vô

“第 十 大 願：願 我 來 世 得 菩 提

dì shí dà yuàn yuàn wǒ lái shì dé pú tí

Thượng Bồ Đề, nếu những hữu tình bị pháp luật bắt, trói buộc,

時，若 諸 有 情 王 法 所 錄，繩 縛

shí ruò zhū yǒu qíng wáng fǎ suǒ lù shéng fú

đánh đập, giam cầm lao ngục, hoặc sẽ bị tử hình

鞭 撻，繫 閉 牢 獄，或 當 刑 戮，

biān tà xì bì láo yù huò dāng xíng lù

và còn rất nhiều tai nạn nữa, lấn hiếp, nhục nhã,

及 餘 無 量 災 難 凌 辱，悲 愁 煎

jí yú wú liàng zāi nàn líng rù bēi chóu jiān

lo sầu nung nấu, thân tâm chịu khổ, nếu mà được nghe danh

逼，身 心 受 苦；若 聞 我 名，以 我

bī shēn xīn shòu kǔ ruò wén wǒ míng yǐ wǒ

hiệu của ta, thì nhờ phước đức oai thần của ta, đều được giải

福 德 威 神 力 故，皆 得 解 脫 一 切

fú dé wēi shén lì gù jiē dé jiě tuō yí qiè

thoát hết thảy lo khổ!

憂 苦！”。

yōu kǔ

Nguyện lớn thứ mười một: Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo vô

“第 十 一 大 願：願 我 來 世 得 菩 提

dì shí yī dà yuàn yuàn wǒ lái shì dé pú tí

Thượng Bồ Đề, nếu những hữu tình bị đói khát khổ,

時，若 諸 有 情 饑 渴 所 惱，為 求

shí ruò zhū yǒu qíng jī kě suǒ nǎo wèi qiú

vì kiếm ăn mà tạo mọi nghiệp ác, khi nghe tên ta, chuyên

食 故 造 諸 惡 業；得 聞 我 名，專

shí gù zào zhū è yè dé wén wǒ míng zhuān

tâm trì niệm, thì ta hãy cho ăn uống rất ngon để no

念 受 持，我 當 先 以 上 妙 飲 食 飽

niàn shòu chí wǒ dāng xiān yǐ shàng miào yǐn shí bǎo

thân đã, rồi sau ta mới cho an pháp vị để lập thành người

足 其 身，後 以 法 味 畢 竟 安 樂 而

zú qí shēn hòu yǐ fǎ wèi bì jìng ān lè ér

rốt ráo an vui.

建 立 之”。

jiàn lì zhī

Nguyện lớn thứ mười hai: Nguyện đời sau này khi ta đắc đạo Vô

“第 十 二 大 願：願 我 來 世 得 菩 提

dì shí èr dà yuàn yuàn wǒ lái shì dé pú tí

Thượng Bồ Đề, nếu những hữu tình nghèo không áo mặc, vì ruồi

時，若諸有情貧無衣服，蚊虻

shí ruò zhū yǒu qíng pín wú yī fú wén méng

muỗi, vì bức rét, khổ suốt đêm ngày, khi nghe tên ta chuyên

寒熱，晝夜逼惱；若聞我名，專

hán rè zhòu yè bī nǎo ruò wén wǒ míng zhuān

tâm trì niệm thì tâm muốn gì liền được đủ thứ,

念受持，如其所好，即得種種

niàn shòu chí rú qí suǒ hào jí dé zhǒng zhǒng

áo mặc thật đẹp, được cả đồ dùng quý báu trang nghiêm,

上妙衣服，亦得一切寶莊嚴

shàng miào yī fú yì dé yí qiè bǎo zhuāng yán

đeo hoa ướp hương, âm nhạc múa hát, tùy tâm thích gì

具，華鬘，塗香，鼓樂眾伎，隨心

jù huā mán tú xiāng gǔ yuè zhòng jì suí xīn

đều được đầy đủ.

所玩，皆令滿足”。

suǒ wàn jiē lìng mǎn zú

Này Mạn Thù Thất Lợi! Thế là mười hai nguyện rất nhiệm mầu

“曼殊室利！是為彼世尊藥師

màn shū shì lì shì wéi bǐ shì zūn yào shī

của Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Ứng, Chánh,

琉 璃 光 如 來，應，正 等 覺 行 菩

liú lí guāng rú lái yìng zhèng děng jué xíng pú

đẳng giác khi ngài còn đương hành đạo Bồ Tát, ngài đã phát ra.

薩 道 時，所 發 十 二 微 妙 上 願”。

sà dào shí suǒ fā shí èr wéi miào shàng yuàn

Phổ Hiền Vương Bồ Tát cỡi voi quang lâm

普 賢 王 菩 薩 象 駕 光 臨

pǔ xián wáng pú sà xiàng jià guāng lín

Có vị Bồ Tát,

有 一 菩 薩

yǒu yì pú sà

Danh hiệu Phổ Hiền,

名 曰 普 賢

míng yuē pǔ xián

năm mươi ánh sáng,

五 十 種 光

wǔ shí zhǒng guāng

Từ cổ phóng quang,

以 為 項 光

yǐ wéi xiàng guāng

Lưu xuất sắc vàng,

流 出 金 光

liú chū jīn guāng

Vô lượng hóa Phật,

無 量 化 佛

wú liàng huà fó

kiết già ngồi yên

結 跏 趺 坐

jié jiā fū zuò

thân màu bạch ngọc,

身 白 玉 色

shēn bái yù sè

đủ năm mươi màu.

五 十 種 色

wǔ shí zhǒng sè

chân lông trên thân,

身 諸 毛 孔

shēn zhū máo kǒng

sắc vàng trang nghiêm

其 金 光 端

qí jīn guāng duān

hóa chư Bồ-tát.

諸 化 菩 薩

zhū huà pú sà

Cùng những quyến thuộc,
以 為 眷 屬
yǐ wéi juàn shǔ

bước đi thong thả
安 詳 徐 步
ān xiáng xú bù

Tuôn hoa báu lớn,
雨 大 寶 花
yù dà bǎo huā

trước nơi hành giả,
至 行 者 前
zhì xíng zhě qián

voi trắng giương ngà,
其 象 開 口
qí xiàng kāi kǒu

ở trên ngà ấy,
於 象 牙 上
yú xiàng yá shàng

Ngọc Nữ trên hồ,
諸 池 玉 女
zhū chí yù nǚ

trổi nhạc ca hát,
鼓 樂 絃 歌
gǔ yuè xián gē

Âm thanh vi diệu,
其 聲 微 妙
qí shēng wéi miào

tán thán đại thừa.
讚 歎 大 乘
zàn tàn dà chèng

Nhất thật Đạo mầu,
一 實 之 道
yì shí zhī dào

hành giả thấy rồi.
行 者 見 已
xíng zhě jiàn yǐ

Hoan hỷ kính lễ,
歡 喜 敬 禮
huān xǐ jìng lǐ

càng siêng đọc tụng
復 更 讀 誦
fù gèng dú sòng

Kinh điển thậm thâm
甚 深 經 典
shèn shēn jīng diǎn

Lễ khắp mười phương
遍 禮 十 方
biàn lǐ shí fāng

Vô lượng chư Phật,
無 量 諸 佛
wú liàng zhū fó

Lễ tháp Phật Đa Bảo,
禮 多 寶 佛 塔
lǐ duō bǎo fó tǎ

Và Phật Thích Ca Mâu Ni,
及 釋 迦 牟 尼
jí shì jiā móu ní

Lễ bái Phổ Hiền,
並 禮 普 賢
bìng lǐ pǔ xián

Chư đại Bồ-tát.
諸 大 菩 薩
zhū dà pú sà

Phát thệ nguyện rằng:
發 是 誓 願
fā shì shì yuan

Nguyện con đủ phước,
若 我 宿 福
ruò wǒ sù fú

được thấy Phổ Hiền,
應 見 普 賢
yīng jiàn pǔ xián

Nguyện Tôn Giả Biến Cát,
願 尊 者 遍 吉
yuàn zūn zhě biàn jí

hiện trước sắc thân con.
示 我 色 身
shì wǒ sè shēn

Nam Mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)
南 無 普 賢 王 菩 薩 摩 訶 薩 (三稱)
ná mó pǔ xián wáng pú sà mó hē sà (3 x)

Nhất thiết cung kính (duy na bạch)

一 切恭敬 (維那白)

yí qiè gōng jìng (recite by the cantor)

Nhất tâm đảnh lễ thập phương pháp giới thường trụ Phật (bái)

一 心 頂 禮 十 方 法 界 常 住 佛 (拜)

yì xīn dǐng lǐ shí fāng fǎ jiè cháng zhù fó (bow)

Nhất tâm đảnh lễ thập phương pháp giới thường trụ Pháp (bái)

一 心 頂 禮 十 方 法 界 常 住 法 (拜)

yì xīn dǐng lǐ shí fāng fǎ jiè cháng zhù fǎ (bow)

Nhất tâm đảnh lễ thập phương pháp giới thường trụ Tăng (bái)

一 心 頂 禮 十 方 法 界 常 住 僧 (拜)

yì xīn dǐng lǐ shí fāng fǎ jiè cháng zhù sēng (bow)

Thị chư chúng đẳng
是 諸 眾 等。
shì zhū zhòng děng

Các các hồ quỵ
各 各 胡 跪。
gè gè hú guì

Nghiêm trì hương hoa
嚴 持 香 花。
yán chí xiāng huā

Như pháp cúng dường
如 法 供 養。
rú fǎ gòng yàng

Nguyện thử hương hoa biến thập phương
願 此 香 花 遍 十 方
yuàn cǐ xiāng huā biàn shí fāng

Dĩ vi vi diệu quang minh đài
以 為 微 妙 光 明 臺
yǐ wéi wéi miào guāng míng tái

Chư thiên âm nhạc thiên bảo hương
諸 天 音 樂 天 寶 香
zhū tiān yīn yuè tiān bǎo xiāng

Chư thiên hào thiện thiên bảo y
諸 天 餚 善 天 寶 衣
zhū tiān yáo shàn tiān bǎo yī

Bất khả tư nghị diệu pháp trần
不 可 思 議 妙 法 塵
bù kě sī yì miào fǎ chén

Nhất nhất trần xuất nhất thiết trần
一 一 塵 出 一 切 塵
yī yī chén chū yí qiè chén

Nhất nhất trần xuất nhất thiết Pháp
一 一 塵 出 一 切 法
yī yī chén chū yí qiè fǎ

Toàn chuyển vô ngại hỗ trang nghiêm

旋 轉 無 礙 互 莊 嚴

xuán zhuǎn wú ài hù zhuāng yán

Biến chí thập phương Tam Bảo tiền

遍 至 十 方 三 寶 前

biàn zhì shí fāng sān bǎo qián

Thập phương Pháp Giới Tam Bảo tiền

十 方 法 界 三 寶 前

shí fāng fǎ jiè sān bǎo qián

Tất hữu ngã thân tu cúng dường

悉 有 我 身 修 供 養

xī yǒu wǒ shēn xiū gòng yàng

Nhất nhất giai tất biến Pháp Giới

一 一 皆 悉 遍 法 界

yī yī jiē xī biàn fǎ jiè

Bỉ bỉ vô tạp vô chướng ngại

彼 彼 無 雜 無 障 礙

bǐ bǐ wú zá wú zhàng ài

Tận vị lai tế tác Phật sự

盡 未 來 際 作 佛 事

jìn wèi lái jì zuò fó shì

Phổ huân Pháp Giới chư chúng sanh
普 熏 法 界 諸 眾 生
pǔ xūn fǎ jiè zhū zhòng shēng

Mông huân giai phát Bồ Đề tâm
蒙 熏 皆 發 菩 提 心
méng xūn jiē fā pú tí xīn

Đồng nhập vô sanh chứng Phật trí
同 入 無 生 證 佛 智
tóng rù wú shēng zhèng fó zhì

Nguyện thử hương hoa vân
願 此 香 花 雲
yuàn cǐ xiāng huā yún

Biến mãn thập phương giới
遍 滿 十 方 界
biàn mǎn shí fāng jiè

Cúng dường nhất thiết Phật
供 養 一 切 佛
gòng yàng yí qiè fó

Tôn pháp chư Bồ Tát
尊 法 諸 菩 薩
zūn fǎ zhū pú sà

Duyên Giác Thanh Văn chúng
緣 覺 聲 聞 眾
yuán jué shēng wén zhòng

Cập nhất thiết Thiên Tiên
及 一 切 天 仙
jí yí qiè tiān xiān

Dĩ khởi quang minh đài
以 起 光 明 臺
yǐ qǐ guāng míng tái

Quá ư vô biên giới
過 於 無 邊 界
guò yú wú biān jiè

Vô biên Phật độ trung
無 邊 佛 土 中
wú biān fó dù zhōng

Thọ dụng tác Phật sự
受 用 作 佛 事
shòu yòng zuò fó shì

Phổ huân chư chúng sanh
普 熏 諸 眾 生
pǔ xūn zhū zhòng shēng

Giai phát Bồ Đề tâm
皆 發 菩 提 心
jiē fā pú tí xīn

Dung nhan thậm kỳ diệu
容 顏 甚 奇 妙
róng yán shèn qí miào

Quang minh chiếu thập phương
光 明 照 十 方
guāng míng zhào shí fāng

Ngã thích tằng cúng dường
我 適 曾 供 養
wǒ shì céng gòng yàng

Kim phục hoàn thân cận
今 復 還 親 近
jīn fù huán qīn jìn

Thánh Chủ thiên trung vương
聖 主 天 中 王
shèng zhǔ tiān zhōng wáng

Ca Lăng Tần Già thanh
迦 陵 頻 伽 聲
jiā líng pín qié shēng

Ai mẫn chúng sanh giả
哀 愍 眾 生 者
āi mǐn zhòng shēng zhě

Ngã đẳngkim kính lễ
我 等 今 敬 禮
wǒ děng jīn jìng lǐ

Nam Mô Bảo Đàm Hoa Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)
南 無 寶 曇 華 菩 薩 摩 訶 薩（三稱）
ná mó bǎo tán huā pú sà mó hē sà (3 x)

Dược Sư Như Lai (vân) Chứng Minh Lễ Sám (Thuật Hòa Chủ Bạch Bạch Vân)

藥 師 如 來(云) **證 明 禮 懺** (述和 主白白云)

yào shī rú lái zhèng míng lǐ chàn

Vọng niệm thành sanh diệt
妄 念 成 生 滅。
wàng niàn chéng shēng miè

Chân như bất biến thiên
真 如 不 變 遷
zhēn rú bú biàn qiān

Tổng trì nan tư nghị
總 持 難 思 議。
zǒng chí nán sī yì

Vô trụ đối không tuyên
無 住 對 空 宣
wú zhù duì kōng xuān

Ngưỡng bạch thập phương Tam Bảo. Dược Sư Như Lai
仰 白 十 方 三 寶。 藥 師 如 來。
yǎng bái shí fāng sān bǎo yào shī rú lái

Sát hải Thiên Long
剎 海 天 龍。
chà hǎi tiān lóng

Nhất thiết Thánh chúng
一 切 聖 眾。
yí qiè shèng zhòng

Nguyện tứ từ bi
願 賜 慈 悲。
yuan sì cí bēi

Phủ thùy chứng giám
俯 垂 證 鑒。
fǔ chuí zhèng jiàn

Hữu sớ phi tuyên
有 疏 披 宣。
yǒu shū pī xuān

Phục hy đế thính (Biểu bạch tuyên ý tất)
伏 希 諦 聽。(表白宣意畢)
fú xī dì tīng

Thượng lai tình chỉ
上 來 情 旨。
shàng lái qíng zhǐ

Cung đối phi tuyên
恭 對 披 宣。
gōng duì pī xuān

Đại viên kính trung
大 圓 鏡 中。
dà yuán jìng zhōng

Lượng thùy ấn khả
諒 垂 印 可。
liàng chuí yìn kě

Thị dĩ tu hương hoa cúng dường
是 以 修 香 華 供 養。
shì yǐ xiū xiāng huā gòng yàng

Đăng chúc trang nghiêm
燈 燭 莊 嚴。
dēng zhú zhuāng yán

Mệnh ngã đẳng lưu
命 我 等 流。
mìng wǒ děng liú

Đại hành sám pháp
代 行 懺 法。
dài xíng chàn fǎ

Kim tắc y trượng Như Lai đại tịch diệt hải
今 則 依 仗 如 來 大 寂 滅 海。
jīn zé yī zhàng rú lái dà jí miè hǎi

Quy đầu Phổ Môn Đại Bi Nguyện Vương
皈 投 普 門 大 悲 願 王。
guī tóu pǔ mén dà bēi yuan wáng

Đãng tội nghiệp ư vô hà hữu chi hương
蕩 罪 業 於 無 何 有 之 鄉。
dàng zuì yè yú wú hé yǒu zhī xiāng

Tiễn giới đế ư bất manh chi chi địa
剪 芥 蒂 於 不 萌 枝 之 地。
jiǎn jiè dì yú bù méng zhī zhī dì

Tâm thuần thị pháp
心 純 是 法。
xīn chún shì fǎ

Dữ pháp tương ứng
與 法 相 應。
yǔ fǎ xiāng yìng

Lý sự viên dung
理 事 圓 融。
lǐ shì yuán róng

Hạnh nguyện thành tựu
行 願 成 就。
hèng yuàn chéng jiù

Ngã ký như thị
我 既 如 是。
wǒ jì rú shì

Phật tất ai liên
佛 必 哀 憐。
fó bì āi lián

Kỳ khấu hồng từ
祈 叩 洪 慈。
qí kòu hóng cí

Minh huân gia bị
冥 熏 加 被。
míng xūn jiā bèi

Phật diện do như tịnh mãn nguyệt
佛 面 猶 如 淨 滿 月
fó miàn yóu rú jìng mǎn yuè

Diệc như thiên nhật phóng quang minh
亦 如 千 日 放 光 明
yì rú qiān rì fàng guāng míng

Viên quang phổ chiếu ư thập phương
圓 光 普 照 於 十 方
yuán guāng pǔ zhào yú shí fāng

Hỷ xả từ bi giai cụ túc
喜 捨 慈 悲 皆 具 足
xǐ shě cí bēi jiē jù zú

Khải vận Dược Sư Đạo Tràng Sám Pháp
啟 運 藥 師 道 場 懺 法
qǐ yùn yào shī dào chǎng chàn fǎ

Nay xin quy mạng tam thế chư Phật
今 當 皈 命 三 世 諸 佛
jīn dāng guī mìng sān shì zhū fó

Nam Mô Quá Khứ Tỳ Bà Thi Phật
南 無 過 去 毗 婆 尸 佛
ná mó guò qù pí pó shī fó

Nam Mô Thi Khí Phật
南 無 尸 棄 佛
ná mó shī qì fó

Nam Mô Tỳ Xá Phù Phật
南 無 毗 舍 浮 佛
ná mó pí shè fú fó

Nam Mô Câu Lưu Tôn Phật
南 無 拘 留 孫 佛
ná mó jū liú sūn fó

Nam Mô Câu Na Hàm Mâu Ni Phật
南 無 拘 那 含 牟 尼 佛
ná mó jū nà hán móu ní fó

Nam Mô Ca Diếp Phật
南 無 迦 葉 佛
ná mó jiā shè fó

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛
ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

Nam Mô Đương Lai Di Lặc Tôn Phật
南 無 當 來 彌 勒 尊 佛
ná mó dāng lái mí lè zūn fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai
南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來
ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Nam Mô Dược Sư Hải Hội Phật Bồ Tát (3 lần)

南 無 藥 師 海 會 佛 菩 薩 (三稱)

ná mó yào shī hǎi huì fó pú sà (3 x)

TiêuTai Diên Thọ Dược Sư Sám Pháp Quyển Thượng

消 災 延 壽 藥 師 懺 法 卷 上

xiāo zāi yán shòu yào shī chàn fǎ juàn shàng

Hết thảy chư Phật vì thương xót chúng sanh, nên nói Dược

一 切 諸 佛。愍 念 眾 生。為 說 藥

yí qiè zhū fó mǐn niàn zhòng shēng wèi shuō yào

Sư Đạo Tràng Sám Pháp. Tội cấu của chúng sanh rất nặng

師 道 場 懺 法。良 以 眾 生 垢 重。

shī dào chǎng chàn fǎ liáng yǐ zhòng shēng gòu zhòng

bởi vì vô minh che khuất nên không hiểu nhân quả, không chuyên

無 明 暗 覆。不 諳 因 果。不 勤 懺

wú míng àn fù bù ān yīn guǒ bù qín chàn

cần sám hối, cứ để cho tham, sân, si, tự do hành động tạo các

悔。縱 貪 瞋 癡。肆 殺 盜 婬。無 量

huǐ zòng tān chēn chī sì shā dào yín wú liàng

tội lỗi nào sát, đạo, dâm, tội cấu vô lượng vô biên, các oan nghiệp

無 邊。所 作 罪 垢。無 量 無 邊。所

wú biān suǒ zuò zuì gòu wú liàng wú biān suǒ

cũng kết thành vô lượng, thế mà cũng không hay, không biết; tội

結 冤 業。不 覺 不 知。日 深 日 厚。

jié yuān yè bù jué bù zhī rì shēn rì hòu

lỗi càng ngày sâu nặng, đời sau sanh làm người không trường

以 致 促 長 壽 而 夭 枉。

yǐ zhì cù cháng shòu ér yāo wǎng

thọ, lại chết yểu, không địa vị mà ngu hèn, không giàu sang mà

黜 官 位 而 下 賤。削 富 饒 而 貧 窮。

chù guān wèi ér xià jiàn xuē fù ráo ér pín qióng

lại bần cùng, con cái chết non mà thành cô đơn, mắc vào chín

折 子 女 而 孤 獨。罹 斯 九 橫。

zhé zǐ nǚ ér gū dú lí sī jiǔ hèng

thứ hoạnh tử, sa xuống tam đồ, bao nhiêu nghiệp báo khổ sở.

墜 墮 三 塗。紛 紛 苦 果。

zhuì duò sān tú fēn fēn kǔ guǒ

Mình làm mình chịu, ác báo nhiều loại,

自 作 自 受。種 種 惡 報。

zì zuò zì shòu zhǒng zhǒng è bào

hoặc hiện đời hay đời sau, một chút không sai. Sớm muộn đều

或 現 或 後。纖 毫 無 差。

huò xiàn huò hòu xiān háo wú chā

phải chịu lấy quả báo. Cho nên lúc ấy Đức Dược Sư Lưu Ly

遲 速 必 報。爾 時。藥 師 琉 璃 光

chí sù bì bào ěr shí yào shī liú lí guāng

Quang Như Lai khởi lòng từ bi cứu vớt mà nói Kinh Bản Nguyện

如 來。慈 悲 拯 濟。說 是 本 願 功

rú lái cí bēi zhěng jì shuō shì běn yuàn gōng

Công Đức. Những ai đọc tụng kinh này, nên tạo bảy tượng đức

德 經。令 讀 誦 者。造 彼 如 來 形

dé jīng lìng dú sòng zhě zào bǐ rú lái xíng

Dược Sư Như Lai, trước mỗi tôn tượng thắp bảy ngọn đèn,

像 七 軀。一 一 像 前。各 置 七 燈。

xiàng qī qū yī yī xiàng qián gè zhì qī dēng

mỗi ngọn đèn to bằng bánh xe, suốt bốn chín ngày không tắt.

一 一 燈 量。大 如 車 輪。燃 至 四

yī yī dēng liàng dà rú chē lún rán zhì sì

Nhưng việc ấy chỉ các bậc giàu sanh phú quý, sẵn đủ tài bảo đầy

十 九 日。光 明 不 絕。是 惟 剎 利。

shí jiǔ rì guāng míng bù jué shì wéi chà lì

kho tràn đầy nhiều các tài bảo mới có thể làm được. Còn người

居 士 大 家。多 饒 財 寶。倉 庫 盈

jū shì dà jiā duō ráo cái bǎo cāng kù yíng

kém sức, tuy tâm hoan hỷ muốn mà không đủ sức như pháp trang

溢 之 所 堪 為。而 綿 力 眾 生。

yì zhī suǒ kān wéi ér mián lì zhòng shēng

nghiêm cúng dường. Nên trích trong Bản Nguyện Công Đức Kinh ra,

心 雖 喜 樂。不 能 如 法 莊 嚴。

xīn suī xǐ lè bù néng rú fǎ zhuāng yán

phương pháp sám hối Tiêu Tai Diên Thọ để cho dễ phụng hành.

以 是 因 緣。即 於 本 願 功 德 經 中。

yǐ shì yīn yuán jí yú běn yuàn gōng dé jīng zhōng

Chúng sanh nào muốn thọ trì kinh này cần phải trai giới thanh

譯 出 消 災 延 壽 懺 法。便 諸 眾 生。

yì chū xiāo zāi yán shòu chàn fǎ biàn zhū zhòng shēng

tịnh, tắm gội sạch sẽ, hoặc ở chùa am hay tại nhà, quét dọn sạch

齋 戒 沐 浴。或 於 寺 院。或 在 家

zhāi jiè mù yù huò yú sì yuàn huò zài jiā

sẽ, hoặc thỉnh các Tăng lữ hay các thiện sĩ huân tu tập,

庭。或 延 禪 侶。或 偕 善 士。灑 掃

tíng huò yán chán lǚ huò xié shàn shì sǎ sǎo

tùy phần cúng dường hương hoa đèn nến, rồi theo khóa tán tụng,

熏 修。香 華 燈 燭。隨 分 供 養。依

xūn xiū xiāng huā dēng zhú suí fèn gòng yàng yī

chí thành đảnh lễ, sám hối như vậy thì cầu gì lại không ứng,

科 讚 詠。虔 誠 敬 禮。則 無 求 不 應。

kē zàn yǒng qián chéng jìng lǐ zé wú qiú bú yìng

nguyện gì lại không thành. Kinh dạy: “Người biết ăn năn tội lỗi, là

無 願 不 成。經 云。說 悔 先 罪。

wú yuàn bù chéng jīng yún shuō huǐ xiān zuì

điều mà Ngài Tịnh Danh Đại Sĩ (Bồ Tát Duy Ma Cật) quý chuộng.

淨 名 所 尚。改 往 修 來。

jìng míng suǒ shàng gǎi wǎng xiū lái

Vì vậy mà sửa lỗi xưa, làm lành, rửa tâm sạch ý, đoạn trừ ác pháp,

洗 浣 身 心。斷 除 眾 惡。

xǐ wǎn shēn xīn duàn chú zhòng è

thề không tái phạm.” Sám hối như thế thì tội khiên nhiều kiếp sẽ

誓 不 更 造。多 劫 罪 愆。

shì bú gèng zào duō jié zuì qiān

được trừ sạch không dư, tùy sở nguyện cầu

淨 盡 無 餘。隨 所 樂 求。

jìng jìn wú yú suí suǒ yào qiú

đều đặng như ý. Nay đệ tử chúng con tiêu tai

悉 令 滿 足。消 災 眾 等。

xī lìng mǎn zú xiāo zāi zhòng děng

chí tâm đảnh lễ, cầu xin sám hối

至 心 頂 禮。求 哀 懺 悔。

zhì xīn dǐng lǐ qiú āi chàn huǐ

Nam Mô Tỳ Lô Giá Na Phật

南 無 毗 盧 遮 那 佛

ná mó pí lú zhē nà fó

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛

ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來

ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Nam Mô Vô Lượng Thọ Phật

南 無 無 量 壽 佛

ná mó wú liàng shòu fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Quá Khứ Nhất Thiết Chư Phật

過 去 一 切 諸 佛

guò qù yí qiè zhū fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Hiện Tại Nhất Thiết Chư Phật

現 在 一 切 諸 佛

xiàn zài yí qiè zhū fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Vị Lai Nhất Thiết Chư Phật

未 來 一 切 諸 佛

wèi lái yí qiè zhū fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來

ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Bổn Nguyện Công Đức Kinh

本 願 功 德 經

běn yuàn gōng dé jīng

Nam Mô Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát

南 無 日 光 遍 照 菩 薩

ná mó rì guāng biàn zhào pú sà

Nam Mô Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát

南 無 月 光 遍 照 菩 薩

ná mó yuè guāng biàn zhào pú sà

Nam Mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

南 無 文 殊 師 利 菩 薩

ná mó wén shū shī lì pú sà

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát

南 無 觀 世 音 菩 薩
ná mó guān shì yīn pú sà

Nam Mô Đắc Đại Thế Bồ Tát
南 無 得 大 勢 菩 薩
ná mó dé dà shì pú sà

Nam Mô Vô Tận Ý Bồ Tát
南 無 無 盡 意 菩 薩
ná mó wú jìn yì pú sà

Nam Mô Bảo Đàm Hoa Bồ Tát
南 無 寶 曇 華 菩 薩
ná mó bǎo tán huā pú sà

Nam Mô Dược Vương Bồ Tát
南 無 藥 王 菩 薩
ná mó yào wáng pú sà

Nam Mô Dược Thượng Bồ Tát
南 無 藥 上 菩 薩
ná mó yào shàng pú sà

Nam Mô Di Lặc Bồ Tát
南 無 彌 勒 菩 薩
ná mó mí lè pú sà

Nam Mô Tiêu Tai Chướng Bồ Tát

南 無 消 災 障 菩 薩
ná mó xiāo zāi zhàng pú sà

Nam Mô Tăng Phúc Thọ Bồ Tát
南 無 增 福 壽 菩 薩
ná mó zēng fú shòu pú sà

Nam Mô Nhạc Âm Thụ Hạ Tam Vạn Lục Thiên Bồ Tát
南 無 樂 音 樹 下 三 萬 六 千 菩 薩
ná mó yuè yīn shù xià sān wàn liù qiān pú sà

Nam Mô A Nan Tôn Giả Bát Thiên Tỳ Kheo
南 無 阿 難 尊 者 八 千 比 丘
ná mó ā nàn zūn zhě bā qiān bǐ qiū

Chư Đại Thánh Tăng
諸 大 聖 僧
zhū dà shèng sēng

Nam Mô Cứu Thoát Bồ Tát
南 無 救 脫 菩 薩
ná mó jiù tuō pú sà

Lễ chư Phật xong, kế đến sám hối. Nghĩ lại đời Tượng Pháp

禮 諸 佛 已。次 復 懺 悔。緣 念 像

lǐ zhū fó yǐ cì fù chàn huǐ yuan niàn xiàng

chuyển, nếu chư hữu tình muốn lợi ích an lạc, diệt trừ hết thảy

法 轉 時。若 諸 有 情。為 欲 利 益

fǎ zhuǎn shí ruò zhū yǒu qíng wèi yù lì yì

nghiệp chướng, thì phải kiến lập thù thắng công đức. Nếu muốn

安 樂。拔 除 一 切 業 障。建 立 殊

ān lè bá chú yí qiè yè zhàng jiàn lì shū

viên mãn tu tập đại nguyện của chư Phật, thì thọ trì đầy đủ danh

勝 功 德 者。為 欲 滿 修 諸 佛 大 願。

shèng gōng dé zhě wèi yù mǎn xiū zhū fó dà yuan

hiệu chư Phật và chánh pháp bảo tạng. Nếu muốn chứng đắc

具 足 受 持 諸 佛 名 號。及 正 法 寶

jù zú shòu chí zhū fó míng hào jí zhèng fǎ bǎo

quả vô thượng chánh đẳng chánh giác, và chánh báo

藏 者。欲 得 阿 耨 多 羅 三 藐 三 菩

zàng zhě yù dé ā nòu duō luó sān miǎo sān pú

trang nghiêm với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi tướng đẹp.

提。三 十 二 相。八 十 隨 形。莊 嚴

tí sān shí èr xiàng bā shí suí xíng zhuāng yán

Nếu muốn được vô lượng trí tuệ và phương tiện

其 身 者。欲 得 無 量 智 慧 方 便。

qí shēn zhě yù dé wú liàng zhì huì fāng biàn

để giúp chúng sanh an lập trong pháp Đại Thừa. Muốn tu phạm

令 諸 眾 生 安 立 大 乘 者。為 欲 修

lìng zhū zhòng shēng ān lì dà chèng zhě wèi yù xiū

hạnh, được giới thể không thiếu sót, đầy đủ tam tụ tịnh

行 梵 行。得 不 缺 戒。具 三 聚 戒。

xíng fàn hèng dé bù quē jiè jù sān jù jiè

giới hoàn toàn thanh tịnh, không có hủy phạm. Muốn được

究 竟 清 淨。無 有 毀 犯 者。欲 得

jiù jìng qīng jìng wú yǒu huǐ fàn zhě yù dé

các căn hoàn toàn đầy đủ không bị bệnh khổ, nhà cửa và

諸 根 完 具。無 諸 疾 苦。家 屬 資

zhū gēn wán jù wú zhū jí kǔ jiā shǔ zī

đồ dùng đều sung túc. Muốn phá trừ lưới ma, được giải

具。悉 皆 豐 足 者。欲 得 破 魔 罥

jù xī jiē fēng zú zhě yù dé pò mó juàn

thoát hết thảy sự ràng buộc của ngoại đạo, nhổ sạch rừng rậm

網。解 脫 一 切 外 道 纏 縛。拔 種

wǎng jiě tuō yí qiè wài dào chán fú bá zhǒng

của bao nhiêu ác kiến. Nếu có người nữ nào muốn chuyển

種 惡 見 稠 林 者。若 有 女 人。欲

zhǒng è jiàn chóu lín zhě ruò yǒu nǚ rén yù

thân nữ thành nam, đầy đủ tướng trượng phu. Nếu muốn

轉 女 成 男。具 丈 夫 相 者。為 欲

Zhuǎn nǚ chéng nán jù zhàng fū xiàng zhě wèi yù

cầu con trai, con gái thì được con trai, con gái. Cầu sống

求 男 女 而 得 男 女。求 長 壽 而 得

qiú nán nǚ ér dé nán nǚ qiú cháng shòu ér dé

lâu được sống lâu. Muốn cầu thoát khỏi tai ương khổ não

長 壽 者。或 當 王 法 所 加。欲 解

cháng shòu zhě huò dāng wáng fǎ suǒ jiā yù jiě

do bị phép vua làm tội. Muốn được đồ ăn uống thượng diệu,

脫 一 切 憂 苦 者。欲 得 上 妙 飲 食。

tuō yí qiè yōu kǔ zhě yù dé shàng miào yǐn shí

pháp vị no đủ, các thứ y phục tốt đẹp và tất cả những đồ châu

飽 足 法 味。及 種 種 上 妙 衣 服。

bǎo zú fǎ wèi jí zhǒng zhǒng shàng miào yī fú

báu trang nghiêm. Muốn thực hành bố thí cho những người cầu

一 切 寶 莊 嚴 具 者。欲 行 惠 施。

yí qiè bǎo zhuāng yán jù zhě yù xíng huì shī

xin hết thảy mọi thứ hoàn toàn không chút ham tiếc. Muốn được

一 切 所 有 悉 無 貪 惜。施 來 求 者。

yí qiè suǒ yǒu xī wú tān xí shī lái qiú zhě

chánh kiến, tinh tấn, và ý thích khéo điều phục, đa văn

欲 得 正 見 精 進。善 調 意 樂。

yù dé zhèng jiàn jīng jìn shàn tiáo yì lè

thông lợi, hiểu nghĩa sâu xa, thường cầu thắng pháp,

多 聞 聰 利。解 甚 深 義。恒 求 勝

duō wén cōng lì jiě shèn shēn yì héng qiú shèng

thường gặp bạn lành. Muốn thọ trì giới pháp, nguyện sanh

法。常 遇 善 友 者。欲 受 持 學 處。

fǎ cháng yù shàn yǒu zhě yù shòu chí xué chù

thế giới Tây Phương Cực Lạc của nơi Vô Lượng Thọ Phật,

願 生 西 方 極 樂 世 界。無 量 壽 佛

yuàn shēng xī fāng jí lè shì jiè wú liàng shòu fó

để được nghe chánh pháp. Nếu đã có hủy phạm giới pháp

所。聽 聞 正 法 者。若 有 已 毀 之 戒。

suǒ tīng wén zhèng fǎ zhě ruò yǒu yǐ huǐ zhī jiè

mà muốn phục hồi thanh tịnh, thọ mạng đã hết mà muốn

而 欲 還 清 淨。已 盡 之 命。而 欲

ér yù huán qīng jìng yǐ jìn zhī mìng ér yù

cầu sống lâu, cho đến các hiểm nạn, tai ương, trong quốc

復 救 續。乃 至 國 界 人 眾。種 種

fù jiù xù nǎi zhì guó jiè rén zhòng zhǒng zhǒng

gia, dân chúng, đều được tiêu tan ẩn mất để mưa gió thuận

諸 橫。種 種 諸 難。而 欲 消 伏 隱

zhū hèng zhǒng zhǒng zhū nàn ér yù xiāo fú yǐn

thời, dân chúng vui vẻ, thì phải đúng như pháp trang nghiêm

沒 順 時 歡 樂 者。應 當 如 法 莊

嚴。

mò shùn shí huān lè zhě yīng dāng rú fǎ zhuāng yán

Quy mạng Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Nhất tâm tinh

皈 命 藥 師 琉 璃 光 如 來。一 心 精

guī mìng yào shī liú lí guāng rú lái yì xīn jīng

tấn tu tam ma địa. Tại sao, vì khi đức Như Lai ấy còn

進。修 三 摩 地。所 以 者 何。彼 如

jìn xiū sān mó dì suǒ yǐ zhě hé bǐ rú

thực hành Bồ Tát đạo, đã phát mười hai lời nguyện vi diệu

來 行 菩 薩 道 時。所 發 十 二 微 妙

lái xíng pú sà dào shí suǒ fā shí èr wéi miào

cao cả và công đức thù thắng làm cho những người nghe

上 願。殊 勝 功 德。令 諸 聞 者。業

shàng yuàn shū shèng gōng dé lìng zhū wén zhě yè

nghiệp chướng tiêu trừ, hết thảy sở cầu đều được mãn nguyện

障 消 除。一 切 所 求。皆 得 滿 願

zhàng xiāo chú yí qiè suǒ qiú jiē dé mǎn yuàn

Chỉ riêng chư Bồ Tát nhất sanh bổ xứ mới có thể tin và hiểu đúng

故。是 唯 一 生 所 繫 菩 薩。為 能

gù shì wéi yì shēng suǒ xì pú sà wèi néng

như sự thực, đúng như Phật dạy tu hành. Nên phải đem thân thể,

如 實 信 解。如 說 修 行。應 當 以

rú shí xìn jiě rú shuō xiū xíng yīng dāng yǐ

tính mạng và tài sản của mình, không sanh lòng lẫn tiếc, tận lực

身 命 財。不 生 吝 惜。竭 力 莊 嚴。

shēn mìng cái bù shēng lìn xí jié lì zhuāng yán

trang nghiêm, thì quyết được quả thỏa nguyện. Vì thế hôm nay

必 獲 果 遂。是 故 今 日。與 現 前

bì huò guǒ suì shì gù jīn rì yǔ xiàn qián

hiện tiền tiêu tai đại chúng, mỗi mỗi chí tâm quy mạng đảnh lễ.

消 災 眾 等 各 各 至 心。皈 命 頂 禮。

xiāo zāi zhòng děng gè gè zhì xīn guī mìng dǐng lǐ

Nam Mô Tỳ Lô Giá Na Phật

南 無 毗 盧 遮 那 佛

ná mó pí lú zhē nà fó

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛

ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來

ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Nam Mô Vô Lượng Thọ Phật

南 無 無 量 壽 佛

ná mó wú liàng shòu fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Quá Khứ Nhất Thiết Chư Phật

過 去 一 切 諸 佛

guò qù yí qiè zhū fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Hiện Tại Nhất Thiết Chư Phật

現 在 一 切 諸 佛

xiàn zài yí qiè zhū fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Vị Lai Nhất Thiết Chư Phật

未 來 一 切 諸 佛

wèi lái yí qiè zhū fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來

ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Bổn Nguyện Công Đức Kinh

本 願 功 德 經

běn yuàn gōng dé jīng

Nam Mô Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát

南 無 日 光 遍 照 菩 薩

ná mó rì guāng biàn zhào pú sà

Nam Mô Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát

南 無 月 光 遍 照 菩 薩

ná mó yuè guāng biàn zhào pú sà

Nam Mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

南 無 文 殊 師 利 菩 薩

ná mó wén shū shī lì pú sà

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát

南 無 觀 世 音 菩 薩

ná mó guān shì yīn pú sà

Nam Mô Đắc Đại Thế Bồ Tát

南 無 得 大 勢 菩 薩

ná mó dé dà shì pú sà

Nam Mô Vô Tận Ý Bồ Tát

南 無 無 盡 意 菩 薩

ná mó wú jìn yì pú sà

Nam Mô Bảo Đàm Hoa Bồ Tát

南 無 寶 曇 華 菩 薩

ná mó bǎo tán huā pú sà

Nam Mô Dược Vương Bồ Tát

南 無 藥 王 菩 薩

ná mó yào wáng pú sà

Nam Mô Dược Thượng Bồ Tát Nam Mô Di Lặc Bồ Tát

南 無 藥 上 菩 薩 南 無 彌 勒 菩 薩

ná mó yào shàng pú sà ná mó mí lè pú sà

Nam Mô Tiêu Tai Chướng Bồ Tát

南 無 消 災 障 菩 薩

ná mó xiāo zāi zhàng pú sà

Nam Mô Tăng Phúc Thọ Bồ Tát

南 無 增 福 壽 菩 薩

ná mó zēng fú shòu pú sà

Nam Mô Nhạc Âm Thụ Hạ Tam Vạn Lục Thiên Bồ Tát

南 無 樂 音 樹 下 三 萬 六 千 菩 薩

ná mó yuè yīn shù xià sān wàn liù qiān pú sà

Nam Mô A Nan Tôn Giả Bát Thiên Tỳ Kheo

南 無 阿 難 尊 者 八 千 比 丘

ná mó ā nàn zūn zhě bā qiān bǐ qiū

Chư Đại Thánh Tăng

諸 大 聖 僧

zhū dà shèng sēng

Nam Mô Cứu Thoát Bồ Tát

南 無 救 脫 菩 薩

ná mó jiù tuō pú sà

Lễ chư Phật xong, chí tâm quy mạng. Nguyện xin chư

禮 諸 佛 已。至 心 皈 命。惟 願 諸

lǐ zhū fó yǐ zhì xīn guī mìng wéi yuàn zhū

Phật Bồ Tát đồng vận từ bi giáng đến đạo tràng,

佛 菩 薩。同 運 慈 悲。降 臨 道 場。

fó pú sà tóng yùn cí bēi jiàng lín dào chǎng

hết thảy thiên long bát bộ, chư Dược Xoa Đại Tướng,

一 切 天 龍 八 部。藥 叉 諸 將。悉

yí qiè tiān lóng bā bù yào chā zhū jiàng xī

thảy sanh lòng thương xót mà đến đạo tràng. Hiện tiền xin

生 哀 愍。來 到 道 場。是 諸 聖 眾。

sēng āi mǐn lái dào dào chǎng shì zhū shèng zhòng

chư Thánh chúng thảy đều chứng minh. Đệ tử chúng con

願 悉 證 明。我 於 今 日。欲 為 十

yuàn xī zhèng míng wǒ yú jīn rì yù wèi shí

ngày nay, vì muốn thập phương nhất thiết sáu đạo chúng sanh tu

方 一 切 六 道 眾 生。修 行 無 上 菩

fāng yí qiè liù dào zhòng shēng xiū xíng wú shàng pú

hành vô thượng bồ đề, đoạn trừ nhất thiết nghiệp chướng, đồng

提。斷 除 一 切 業 障。同 入 如 來

tí duàn chú yí qiè yè zhàng tóng rù rú lái

nhập Như Lai bổn đại nguyện hải. Nơi trong một niệm hiện sắc

本 大 願 海。普 現 色 身。於 一 念

bĕn dà yuàn hăi pŭ xiàn sè shēn yú yí niàn

thân khắp mười phương cúng dường nhất thiết ngôi Tam Bảo.

中。供 養 一 切 十 方 三 寶。於 一

zhōng gòng yàng yí qiè shí fāng sān băo yú yí

Nơi trong một niệm mà hóa độ nhất thiết lục đạo chúng sanh,

念 中。普 度 一 切 六 道 眾 生。令

niàn zhōng pŭ dù yí qiè liù dào zhòng shēng lìng

làm cho họ nhập vào bình đẳng đại huệ. Vì thế hôm nay nhất

入 平 等 大 慧。故 於 今 日。一 心

rù píng dĕng dà huì gù yú jīn rì yì xīn

tâm tinh tấn tu hành như lời Phật dạy. Nguyện xin chư

精 進。如 說 修 行。惟 願 諸 佛 菩

jīng jìn rú shuō xiū xíng wéi yuàn zhū fó pú

Phật Bồ Tát, và nhờ bổn nguyện lực của Dược Sư Như Lai

薩。藥 師 如 來 本 願 力 故。受 我

sà yào shī rú lái bĕn yuàn lì gù shòu wŏ

mà nhận sự sám hối và khiến cho sở hành của chúng con

懺 悔。令 我 所 行。決 定 破 除 罪

chàn huĭ lìng wŏ suŏ xíng jué dìng pò chú zuì

quyết định phá trừ tội chướng, hạnh nguyện được viên thành.

障。行願圓成。如經所說。願悉

zhàng hèng yuàn yuán chéng rú jīng suǒ shuō yuàn xī

Như Kinh dạy nguyện xin chứng minh, “Nam Mô Dược Sư Lưu

證明。南無藥師琉璃光如來。

zhèng míng ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Ly Quang Như Lai, Ứng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Viên Mãn,

應、正等覺。明行圓滿。光明廣

yìng zhèng děng jué míng hèng yuán mǎn guāng míng guǎng

quang minh quảng đại, công đức viên mãn, thân khéo an trú,

大。功德巍巍。身善安住。皎網

dà gōng dé wéi wéi shēn shàn ān zhù yàn wǎng

trên lưới võng trang nghiêm, sáng hơn nhật nguyệt. Chúng sanh

莊嚴。過於日月。幽冥眾生。悉

zhuāng yán guò yú rì yuè yōu míng zhòng shēng xī

ở chốn u minh đều được hiểu ngộ. Tùy mong cầu gì cũng đều

蒙開曉。隨所樂求。一切皆遂。

méng kāi xiǎo suí suǒ yào qiú yí qiè jiē suì

toại nguyện. Bao nhiêu bệnh khổ đều tiêu mất cả. Vô lượng Bồ

所有病苦。悉皆消滅。無量菩

suǒ yǒu bìng kǔ xī jiē xiāo miè wú liàng pú

Tát hạnh, vô lượng thiện xảo phương tiện, và vô lượng

薩 行。無 量 善 巧 方 便。無 量 廣

sà hèng wú liàng shàn qiǎo fāng biàn wú liàng guǎng

quảng đại nguyện, con hoặc một kiếp, hay hơn một kiếp mà rộng

大 願。我 若 一 劫。若 一 劫 餘。而

dà yuàn wǒ ruò yì jié ruò yì jié yú ér

nói, thì kiếp ấy có thể mau hết, mà hạnh nguyện và phương tiện

廣 說 者。劫 可 速 盡。彼 佛 行 願。

guǎng shuō zhě jié kě sù jìn bǐ fó hèng yuàn

thiện xảo của đức Phật, không có cùng tận. Thế nên chúng con

善 巧 方 便。無 有 盡 也。是 故 至 心。

shàn qiǎo fāng biàn wú yǒu jìn yě shì gù zhì xīn

chí tâm quy mạng đảnh lễ.

皈 命 頂 禮。

guī mìng dǐng lǐ

Dược Sư Quán Đảnh Chân Ngôn

藥師灌頂真言

Nam mô bạc dà phạt đế Bệ sát xã
南無薄伽伐帝，鞞殺社，
ná mó bó qié fá dì bì shā shè

Lụ lô thích lưu ly Bát lặt bà
窶嚕薜琉璃，鉢囉婆，
jù lū bì liú lí bō lā pó

Hắc ra xà dã Đát tha yết đa da
喝喇闍也，怛他揭哆耶，
hē là shé yě dá tā jiē duō yé

A ra ha đế Tam miệu tam bồ đà da
阿囉訶帝，三藐三勃陀耶，
ā lā hē dì sān miǎo sān bó tuó yé

Đát điệt tha Án Bệ sát thệ Bệ sát thệ
怛姪他，唵，鞞殺逝，鞞殺逝，
dá zhí tā nān bì shā shì bì shā shì

Bệ sát xã Tam một yết đế ta ha (3 lần)
鞞殺社，三沒揭帝莎訶。(三遍)
bì shā shè sān mò jiē dì suō hē (3 x)

Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn

七佛滅罪真言

Ly bà ly bà đế Cầu ha cầu ha đế
離婆離婆帝，求訶求訶帝，
lí pó lí pó dì qiú hē qiú hē dì

Đà ra ni đế Ni ha ra đế
陀羅尼帝，尼訶囉帝，
tuó luó ní dì ní hē lā dì

Tỳ lê nễ đế Ma ha già đế
毗黎你帝，摩訶伽帝，
pí lí nǐ dì mó hē qié dì

Chơn lăng càn đế Ta bà ha (3 lần)
真陵乾帝，娑婆訶。（三遍）
zhēn líng qián dì suō pó hē (3 x)

Bổ Khuyết Chân Ngôn
補闕真言

Nam mô tam mãn đa Một đà nẫm
南無三滿哆，沒馱喃，
Ná mó sān mǎn duō mò tuó nán

A bát ra đế Yết đa chiết Chiết nại di
阿鉢囉帝，喝多折，折捺彌，
ā bō lā dì hē duō zhé zhé nà mí

Án Kê di kê di Đát tháp cát tháp nẫm
唵，雞彌雞彌，怛塔葛塔喃，
nān jī mí jī mí dá tǎ gě tǎ nán

Mạt ngõa sơn đính bát ra đế
末瓦山矴鉢囉帝，
mò wā shān ding bō lā dì

Ô đát ma đát ma Đát tháp cát tháp nẫm
烏怛摩怛摩，怛塔葛塔喃，
wū dá mó dá mó dá tǎ gě tǎ nán

Mạt ngõa hồng Phấn ta ha (3 lần)
末瓦吽，婆娑訶。（三遍）
mò wǎ hōng pān suō hē (3 x)

Tán
讚

Dược Sư Như Lai Thế giới Lưu Ly
藥師如來。世界琉璃。
yào shī rú lái shì jiè liú lí

Từ bi hỷ xả đều tùy nghi, Sám pháp độ quần mê
慈悲喜捨悉隨宜。懺法度群迷。
cí bēi xǐ shě xī suí yí chàn fǎ dù qún mí

Khể thủ quy y Sở nguyện mãn cầu
稽首皈依。所願滿求祈。
qǐ shǒu guī yī suǒ yuàn mǎn qiú qí

Dược Sư Phật. Dược Sư Phật
藥師佛。藥師佛。
yào shī fó yào shī fó

Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật
消災延壽藥師佛。
xiāo zāi yán shòu yào shī fó

Nam Mô Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật (3 lần)
南無消災延壽藥師佛 (三稱)
ná mó xiāo zāi yán shòu yào shī fó (3 x)

Xướng kệ, nhiễu Phật, niệm Phật, xong hồi hướng.

起佛偈遶壇念佛迴向

Khể thủ đông phương mãn nguyệt giới
稽 首 東 方 滿 月 界
qǐ shǒu dōng fāng mǎn yuè jiè

Vi diệu chánh giác Dược Sư Tôn
微 妙 正 覺 藥 師 尊
wéi miào zhèng jué yào shī zūn

Tam kỳ quả mãn bất tư nghị
三 祇 果 滿 不 思 議
sān qí guǒ mǎn bù sī yì

Thập hiệu danh xưng vô đẳng luân
十 號 名 稱 無 等 倫
shí hào míng chēng wú děng lún

Nhị lục nguyện môn nhân địa phát
二 六 願 門 因 地 發
èr liù yuàn mén yīn dì fā

Bách thiên tướng hảo quả trung viên
百 千 相 好 果 中 圓
bǎi qiān xiàng hǎo guǒ zhōng yuán

Từ bi hải khoát trắc nan lường
慈 悲 海 闊 測 難 量
cí bēi hǎi kuò cè nán liáng

Công đức sơn cao tán mạc tận
功 德 山 高 讚 莫 盡
gōng dé shān gāo zàn mò jìn

Nam Mô Đông Phương Tịnh Lưu Ly Thế Giới
南 無 東 方 淨 琉 璃 世 界
ná mó dōng fāng jìng liú lí shì jiè

Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai
藥 師 琉 璃 光 如 來
yào shī liú lí guāng rú lái

Nam Mô Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật
南 無 消 災 延 壽 藥 師 佛
ná mó xiāo zāi yán shòu yào shī fó

Có thể niệm trăm lần hoặc ngàn lần, sau đó tùy hỷ hồi hướng.
或百聲千聲隨意迴向

Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Sám Pháp Quyển Thượng
消 災 延 壽 藥 師 懺 法 卷 上

Hồi Hướng Công Đức (1)

迴向功德一

Nguyện đem công đức này
願 以 此 功 德
yuàn yǐ cǐ gōng dé

Hướng về khắp tất cả
普 及 於 一 切
pǔ jí yú yí qiè

Đệ tử và chúng sanh
我 等 與 眾 生
wǒ děng yǔ zhòng shēng

Đều trọn thành Phật Đạo.
皆 共 成 佛 道。
jiē gòng chéng fó dào

Hồi Hướng Công Đức (2)

迴向功德二

Lễ sám công đức thù thắng hạnh
禮 懺 功 德 殊 勝 行
lǐ chàn gōng dé shū sheng hèng

Vô biên thắng phúc giai hồi hướng
無 邊 勝 福 皆 迴 向 ;
wú biān sheng fú jiē huí xiàng

Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh
普 願 沉 溺 諸 眾 生
pǔ yuàn chén nì zhū zhòng sheng

Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát
速 往 無 量 光 佛 剎 。
sù wǎng wú liàng guāng fó chà

Thập phương tam thế nhất thiết Phật
十 方 三 世 一 切 佛 ,
shí fāng sān shì yí qiè fó

Nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát
一 切 菩 薩 摩 訶 薩 ,
yí qiè pú sà mó hē sà

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật
摩 訶 般 若 波 羅 蜜 。
mó hē bō rě bō luó mì

Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Sám Pháp Quyển Trung
消 災 延 壽 藥 師 懺 法 卷 中

Tam thiên giới nội từ bi chủ
三 千 界 內 慈 悲 主
sān qiān jiè nèi cí bēi zhǔ

Bách ức châu trung Đại Pháp Vương
百 億 洲 中 大 法 王
bǎi yì zhōu zhōng dà fǎ wáng

Nguyện khai liên mục giám phàm tình
願 開 蓮 目 鑒 凡 情
yuàn kāi lián mù jiàn fán qíng

Chúng sanh hữu cầu giai cảm ứng
眾 生 有 求 皆 感 應
zhòng shēng yǒu qiú jiē gǎn yìng

Nhất thiết chư Phật Mẫn niệm chúng sanh
一 切 諸 佛。愍 念 眾 生。
yí qiè zhū fó mǐn niàn zhòng shēng

Vi thuyết Dược Sư Đạo tràng sám pháp
為 說 藥 師。道 場 懺 法。
wèi shuō yào shī dào chǎng chàn fǎ

Kim đương quy mệnh Nhất thiết chư Phật

今 當 皈 命。 一 切 諸 佛。

jīn dāng guī mìng yí qiè zhū fó

Nam Mô Tỳ Lô Giá Na Phật

南 無 毗 盧 遮 那 佛

ná mó pí lú zhē nà fó

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛

ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來

ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Nam Mô Vô Lượng Thọ Phật

南 無 無 量 壽 佛

ná mó wú liàng shòu fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Quá Khứ Nhất Thiết Chư Phật

過 去 一 切 諸 佛

guò qù yí qiè zhū fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Hiện Tại Nhất Thiết Chư Phật

現 在 一 切 諸 佛

xiàn zài yí qiè zhū fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Vị Lai Nhất Thiết Chư Phật

未 來 一 切 諸 佛

wèi lái yí qiè zhū fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來

ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Bổn Nguyện Công Đức Kinh

本 願 功 德 經

běn yuàn gōng dé jīng

Nam Mô Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát

南 無 日 光 遍 照 菩 薩

ná mó rì guāng biàn zhào pú sà

Nam Mô Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát

南 無 月 光 遍 照 菩 薩

ná mó yuè guāng biàn zhào pú sà

Nam Mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

南 無 文 殊 師 利 菩 薩

ná mó wén shū shī lì pú sà

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát

南 無 觀 世 音 菩 薩

ná mó guān shì yīn pú sà

Nam Mô Đắc Đại Thế Bồ Tát

南 無 得 大 勢 菩 薩

ná mó dé dà shì pú sà

Nam Mô Vô Tận Ý Bồ Tát

南 無 無 盡 意 菩 薩

ná mó wú jìn yì pú sà

Nam Mô Bảo Đàm Hoa Bồ Tát

南 無 寶 曇 華 菩 薩

ná mó bǎo tán huā pú sà

Nam Mô Dược Vương Bồ Tát

南 無 藥 王 菩 薩

ná mó yào wáng pú sà

Nam Mô Dược Thượng Bồ Tát　　Nam Mô Di Lặc Bồ Tát

南 無 藥 上 菩 薩　　南 無 彌 勒 菩 薩

ná mó yào shàng pú sà　　ná mó mí lè pú sà

Nam Mô Tiêu Tai Chướng Bồ Tát

南 無 消 災 障 菩 薩

ná mó xiāo zāi zhàng pú sà

Nam Mô Tăng Phúc Thọ Bồ Tát

南 無 增 福 壽 菩 薩

ná mó zēng fú shòu pú sà

Nam Mô Nhạc Âm Thụ Hạ Tam Vạn Lục Thiên Bồ Tát

南 無 樂 音 樹 下 三 萬 六 千 菩 薩

ná mó yuè yīn shù xià sān wàn liù qiān pú sà

Nam Mô A Nan Tôn Giả Bát Thiên Tỳ Kheo

南 無 阿 難 尊 者 八 千 比 丘

ná mó ā nàn zūn zhě bā qiān bǐ qiū

Chư Đại Thánh Tăng

諸 大 聖 僧

zhū dà shèng sēng

Nam Mô Cứu Thoát Bồ Tát

南 無 救 脫 菩 薩

ná mó jiù tuō pú sà

Lễ chư Phật xong, kế đến sám hối. Tiêu tai chúng
禮 諸 佛 已。次 復 懺 悔。 消 災 眾
lǐ zhū fó yǐ cì fù chàn huǐ xiāo zā zhòng

đẳng khắp vì bốn ân ba cõi cùng pháp giới hết
等。普 為 四 恩 三 有。及 法 界 一
děng pǔ wèi sì ēn sān yǒu jí fǎ jiè yí

thảy chúng sanh nguyện đoạn trừ ba chướng,
切 眾 生。悉 願 斷 除 三 障。
qiè zhòng shēng xī yuàn duàn chú sān zhàng

quy mạng sám hối. Con và chúng sanh
皈 命 懺 悔。我 與 眾 生。
guī mìng chàn huǐ wǒ yǔ zhòng shēng

từ vô thủy đến nay, do ái kiến nên
無 始 來 今。由 愛 見 故。
wú shǐ lái jīn yóu ài jiàn gù

trong chấp ngã nhơn; ngoài gặp bạn ác
內 計 我 人。外 因 惡 友。
nèi jì wǒ rén wài yīn è yǒu

Không hề tùy hỷ một chút thiện của người ,
不 隨 喜 他。一 毫 之 善。
bù suí xǐ tā yì háo zhī shàn

chỉ buông lung ba nghiệp, tạo nhiều tội lỗi,

惟 遍 三 業。廣 作 眾 罪。

wéi biàn sān yè guǎng zuò zhòng zuì

việc làm tuy ít mà ác tâm dẫy đầy,

事 雖 不 廣。惡 心 遍 布。

shì suī bù guǎng è xīn biàn bù

nối tiếp ngày đêm không hề ngừng nghỉ.

晝 夜 相 續。無 有 間 斷。

zhòu yè xiāng xù wú yǒu jiàn duàn

Lại còn che giấu tội lỗi, không muốn người biết,

覆 諱 過 失。不 欲 人 知。

fù huì guò shī bú yù rén zhī

không sợ ác đạo, không chút hổ thẹn,

不 畏 惡 道。無 慚 無 愧。

bú wèi è dào wú cán wú kuì

bác không nhơn quả. Tội chướng như vậy,

撥 無 因 果。如 斯 罪 障。

bō wú yīn guǒ rú sī zuì zhàng

mà chưa từng sám hối, nay chúng con xin

未 經 懺 悔。我 於 今 日。

wèi jīng chàn huǐ wǒ yú jīn rì

đối trước mười phương chư Phật và đức Dược Sư Như Lai,

對 十 方 佛。藥 師 如 來。

duì shí fāng fó yào shī rú lái

tin sâu nhân quả, sinh lòng hổ thẹn

深 信 因 果。生 重 慚 愧。

shēn xìn yīn guǒ shēng zhòng cán kuì

sinh sợ hãi vô cùng, cho nên phát lồ sám hối

生 大 怖 畏。發 露 懺 悔。

shēng dà bù wèi fā lù chàn huǐ

dứt tâm tương tục. Nguyện phát tâm Bồ đề,

斷 相 續 心。發 菩 提 心。

duàn xiāng xù xīn fā pú tí xīn

đoạn ác tu thiện, thường giữ gìn ba nghiệp,

斷 惡 修 善。勤 策 三 業。

duàn è xiū shàn qín cè sān yè

đổi các tội lỗi xưa, tùy hỷ phàm thánh

翻 昔 重 過。隨 喜 凡 聖。

fān xí zhòng guò suí xǐ fán shèng

việc lành tuy nhỏ. Niệm đức Dược Sư Phật,

一 毫 之 善。念 藥 師 佛。

yì háo zhī shàn niàn yào shī fó

có nguyện lực lớn, thường cứu vớt chúng sanh,

有 大 願 力。能 救 拔 我。

yǒu dà yuàn lì néng jiù bá wǒ

ra biển khổ nhị tử, đến bờ Tam Đức.

出 二 死 海。置 三 德 岸。

chū èr sǐ hǎi zhì sān dé àn

Cúi xin Ngài từ bi thương xót nhiếp thọ,

惟 願 慈 悲。哀 憐 攝 受。

Wéi yuàn cí bēi āi lián shè shòu

chúng con một lòng quy mạng đảnh lễ:

各 各 至 心。皈 命 頂 禮。

gè gè zhì xīn guī mìng dǐng lǐ

Nam Mô Tỳ Lô Giá Na Phật

南 無 毗 盧 遮 那 佛

ná mó pí lú zhē nà fó

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛

ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來

ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Nam Mô Vô Lượng Thọ Phật

南 無 無 量 壽 佛

ná mó wú liàng shòu fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Quá Khứ Nhất Thiết Chư Phật

過 去 一 切 諸 佛

guò qù yí qiè zhū fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Hiện Tại Nhất Thiết Chư Phật

現 在 一 切 諸 佛

xiàn zài yí qiè zhū fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Vị Lai Nhất Thiết Chư Phật

未 來 一 切 諸 佛

wèi lái yí qiè zhū fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來

ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Bổn Nguyện Công Đức Kinh

本 願 功 德 經

běn yuàn gōng dé jīng

Nam Mô Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát

南 無 日 光 遍 照 菩 薩

ná mó rì guāng biàn zhào pú sà

Nam Mô Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát

南 無 月 光 遍 照 菩 薩

ná mó yuè guāng biàn zhào pú sà

Nam Mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

南 無 文 殊 師 利 菩 薩

ná mó wén shū shī lì pú sà

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát

南 無 觀 世 音 菩 薩

ná mó guān shì yīn pú sà

Nam Mô Đắc Đại Thế Bồ Tát

南 無 得 大 勢 菩 薩

ná mó dé dà shì pú sà

Nam Mô Vô Tận Ý Bồ Tát

南 無 無 盡 意 菩 薩

ná mó wú jìn yì pú sà

Nam Mô Bảo Đàm Hoa Bồ Tát

南 無 寶 曇 華 菩 薩

ná mó bǎo tán huā pú sà

Nam Mô Dược Vương Bồ Tát

南 無 藥 王 菩 薩

ná mó yào wáng pú sà

Nam Mô Dược Thượng Bồ Tát Nam Mô Di Lặc Bồ Tát

南 無 藥 上 菩 薩 南 無 彌 勒 菩 薩

ná mó yào shàng pú sà ná mó mí lè pú sà

Nam Mô Tiêu Tai Chướng Bồ Tát

南 無 消 災 障 菩 薩

ná mó xiāo zāi zhàng pú sà

Nam Mô Tăng Phúc Thọ Bồ Tát

南 無 增 福 壽 菩 薩

ná mó zēng fú shòu pú sà

Nam Mô Nhạc Âm Thụ Hạ Tam Vạn Lục Thiên Bồ Tát

南 無 樂 音 樹 下 三 萬 六 千 菩 薩

ná mó yuè yīn shù xià sān wàn liù qiān pú sà

Nam Mô A Nan Tôn Giả Bát Thiên Tỳ Kheo

南 無 阿 難 尊 者 八 千 比 丘

ná mó ā nàn zūn zhě bā qiān bǐ qiū

Chư Đại Thánh Tăng

諸 大 聖 僧

zhū dà shèng sēng

Nam Mô Cứu Thoát Bồ Tát

南 無 救 脫 菩 薩

ná mó jiù tuō pú sà

Lạy chư Phật rồi, lại xin sám hối: đệ tử chúng

禮諸佛已。次復懺悔。消災眾

lǐ zhū fó yǐ cì fù chàn huǐ xiāo zāi zhòng

con tiêu tai, từ vô thỉ cho đến ngày nay

等。自從無始以來。至於今日。

děng zì cóng wú shǐ yǐ lái zhì yú jīn rì

vì có bệnh tham, sân, tật đố;

所有貪瞋嫉妒之病。

suǒ yǒu tān chēn jí dù zhī bìng

bệnh kiêu mạn, ngạo nghễ;

憍慢自傲之病。

jiāo màn zì ào zhī bìng

bệnh không biết thiện ác;

不識善惡之病。

bú shì shàn è zhī bìng

bệnh không tin tội phước;

不信罪福之病。

bú xìn zuì fú zhī bìng

bệnh bất hiếu, ngũ nghịch;

不孝五逆之病。

bú xiào wǔ nì zhī bìng

bệnh hủy nhục Tam Bảo;

破 辱 三 寶 之 病。

pò rù sān bǎo zhī bìng

bệnh không tu trai giới;

不 修 齋 戒 之 病。

bù xiū zhāi jiè zhī bìng

bệnh hủy phạm giới luật;

破 犯 尸 羅 之 病。

pò fàn shī luó zhī bìng

bệnh khen mình chê người;

自 讚 毀 他 之 病。

zì zàn huǐ tā zhī bìng

bệnh long tham không chán;

貪 得 無 厭 之 病。

tān dé wú yàn zhī bìng

bệnh mê tiếng tham sắc;

迷 聲 逐 色 之 病。

mí shēng zhú sè zhī bìng

bệnh tham hương mến xúc (chạm);

貪 香 愛 觸 之 病。

tān xiāng ài chù zhī bìng

bệnh tin theo tà kiến;

信 邪 倒 見 之 病。

xìn xié dǎo jiàn zhī bìng

bệnh say mê ghiền rượu buông lung vô độ;

耽 婬 嗜 酒。放 逸 無 度 之 病。

dān yín shì jiǔ fàng yì wú dù zhī bìng

bệnh dầu gặp thầy cho thuốc cũng không lầm;

設 復 遇 醫。授 與 非 藥 之 病。

shè fù yù yī shòu yǔ fēi yào zhī bìng

cho đến nhiều thứ bệnh tai nạn, lấn hiếp; hủy nhục, buồn rầu,

及 餘 無 量 災 難 凌 辱。

jí yú wú liàng zāi nàn líng rù

bức rức, thân tâm chịu khổ; muốn cho các

悲 愁 煎 逼。身 心 受 苦 之 病。

bēi chóu jiān bī shēn xīn shòu kǔ zhī bìng

bệnh khổ ấy tiêu trừ và mong cầu đều được thỏa nguyện.

欲 令 是 等 病 苦 消 除。所 求 願 滿。

yù lìng shì děng bìng kǔ xiāo chú suǒ qiú yuàn mǎn

Lúc bấy giờ đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai nhập chánh

爾 時 藥 師 琉 璃 光 如 來 入 三 摩

ěr shí yào shī liú lí guāng rú lái rù sān mó

định: tên là “Trừ hết khổ não cho tất cả chúng sanh”.

地。名 曰。除 滅 一 切 眾 生 苦 惱。

dì míng yuē chú miè yí qiè zhòng shēng kǔ nǎo

Khi nhập định rồi ở giữa nhục kế phóng ra một làn hào quang

既 入 定 已。於 肉 髻 中。出 大 光

jì rù dìng yǐ yú ròu jì zhōng chū dà guāng

sáng chói. Trong hào quang kia có diễn nói Đại Đà La Ni:

明。光 中 演 說 大 陀 羅 尼 曰。

míng guāng zhōng yǎn shuō dà tuó luó ní yuē

Nam mô bạc dà phạt đế Bệ sát xã
南 無 薄 伽 伐 帝， 鞞 殺 社，
ná mó bó qié fá dì bì shā shè

Lụ lô thích lưu ly Bát lặt bà
窶 嚕 薜 琉 璃，鉢 囉 婆，
jù lū bì liú lí bō lā pó

Hắc ra xà dã Đát tha yết đa da
喝 喇 闍 也，怛 他 揭 哆 耶，
hē là shé yě dá tā jiē duō yé

A ra ha đế Tam miệu tam bồ đà da
阿 囉 訶 帝，三 藐 三 勃 陀 耶，
ā lā hē dì sān miǎo sān bó tuó yé

Đát điệt tha Án Bệ sát thệ Bệ sát thệ
怛 姪 他，唵，鞞 殺 逝，鞞 殺 逝，
dá zhí tā nān bì shā shì bì shā shì

Bệ sát xã Tam một yết đế ta ha (3 lần)
鞞 殺 社，三 沒 揭 帝 莎 訶。(三遍)
bì shā shè sān mò jiē dì suō hē (3 x)

Khi ấy trong hào quang phát ra câu chú ấy rồi, đại địa chấn động,

爾 時 光 中 說 此 咒 已。大 地 震 動。

ěr shí guāng zhōng shuō cǐ zhòu yǐ dà dì zhèn dòng

phóng ánh sáng lớn, làm cho các bệnh khổ chúng sanh đều được

放 大 光 明。一 切 眾 生。病 苦 皆

fàng dà guāng míng yí qiè zhòng shēng bìng kǔ jiē

tiêu trừ, ai nấy đều an vui. Do đó mà biết công năng sám hối là

除。受 安 穩 樂。是 知 懺 悔 之 功。

chú shòu ān wěn lè shì zhī chàn huǐ zhī gōng

“phương thuốc linh nghiệm làm lành bệnh thân tâm”, là “thần

諸 病 心 瘳 之 靈 劑。了 生 脫 死 之

zhū bìng xīn chōu zhī líng jì liǎo shēng tuō sǐ zhī

dược” để liễu sanh thoát tử. Có bậc Đại Y Vương tùy bệnh cho

奇 方。有 大 醫 王。應 病 設 藥。所

qí fāng yǒu dà yī wáng yìng bìng shè yào suǒ

thuốc: từ bi hỷ xả là thuốc, nhẫn nhục nhu hòa là thuốc

謂 慈 悲 喜 捨 是 藥。忍 辱 柔 和 是

wèi cí bēi xǐ shě shì yào rěn rù róu hé shì

Chánh Tín Tam Bảo là thuốc, siêng tu phước huệ là thuốc,

藥。正 信 三 寶 是 藥。勤 修 福 慧

yào zhèng xìn sān bǎo shì yào qín xiū fú huì

sáu Ba La Mật là thuốc, ăn no Cam Lồ là thuốc,

是 藥。六 波 羅 蜜 是 藥。飽 餐 甘

shì yào liù bō luó mì shì yào bǎo cān gān

ham cầu pháp vị là thuốc, tu chân dưỡng khí là thuốc,

露 是 藥。貪 求 法 味 是 藥。修 真

lù shì yào tān qiú fǎ wèi shì yào xiū zhēn

phản bổn hoàn nguyên là thuốc, có lỗi biết ăn năn là thuốc,

養 氣 是 藥。返 本 還 元 是 藥。有

yǎng qì shì yào fǎn běn huán yuán shì yào yǒu

phương tiện thiện xảo là thuốc, không động vì tiếng hay

過 能 改 是 藥。善 巧 方 便 是 藥。

guò néng gǎi shì yào shàn qiǎo fāng biàn shì yào

sắc đẹp là thuốc, thanh tịnh tâm và đoạn dục là thuốc.

不 動 聲 色 是 藥。清 心 斷 欲 是 藥。

bú dòng shēng sè shì yào qīng xīn duàn yù shì yào

thường dùng những thứ thuốc như vậy giã ra, dần đi, rồi hợp

常 用 如 是 等 藥 擣 篩 和 合。時 取

cháng yòng rú shì děng yào dǎo shāi hé hé shí qǔ

lại mà thường thường đem uống. Nếu chúng sanh có bệnh, lẽ

服 之。眾 生 若 病。應 同 一 病。眾
fú zhī zhòng shēng ruò bìng yīng tóng yí bìng zhòng

ra cùng một bệnh, chúng sanh cần thuốc lẽ ra cùng một thuốc.

生 須 藥。應 同 一 藥。若 說 多 法。
shēng xū yào yīng tóng yí yào ruò shuō duō fǎ

Nếu nói nhiều pháp thì thế gọi là điên đảo. Nếu căn cứ Nhất

是 名 顛 倒。若 據 一 乘 實 相 而
言。
shì míng diān dǎo ruò jù yí chèng shí xiàng ér yán

Thừa thật tướng mà nói, thì nào có tăng có giảm, có cấu có tịnh,

則 何 增 何 減。何 垢 何 淨。何 善
zé hé zēng hé jiǎn hé gòu hé jìng hé shàn

có thiện có ác, có tội có phước, có bệnh có thuốc đâu. Quán

何 惡。何 罪 何 福。何 病 何 藥。觀
hé è hé zuì hé fú hé bìng hé yào guān

phương tiện như người chiêm bao thấy thân có bệnh, nên tìm

昔 方 便。如 夢 中 人。夢 身 患 病。
xí fāng biàn rú mèng zhōng rén mèng shēn huàn bìng

thầy uống thuốc mà được hết bệnh, được lành; đến khi tỉnh cho

求 醫 服 藥。而 得 除 愈。及 其 夢
qiú yī fú yào ér dé chú yù jí qí mèng

giấc chiêm bao thì rõ ra vốn là không bệnh, sự không bệnh cũng

醒。則悟本來無病。無病亦無。

xǐng zé wù běn lái wú bìng wú bìng yì wú

không, huống chi thầy với thuốc. Nên bệnh của chúng sanh toàn

而況醫藥。故眾生之病。同一

ér kuàng yī yào gù zhòng shēng zhī bìng tóng yí

là bệnh huyễn, thuốc của Như Lai toàn là thuốc huyễn. Do đó

幻病。如來之藥。同一幻藥。故

huàn bìng rú lái zhī yào tóng yí huàn yào gù

mà biết, pháp mà Như Lai thuyết toàn là một tướng một vị, tướng

知如來說法。一相一味。所謂

zhī rú lái shuō fǎ yí xiàng yí wèi suǒ wèi

vị giải thoát, ly tướng, diệt tướng, cứu cánh Niết Bàn,

解脫相。離相。滅相。究竟涅槃。

jiě tuō xiàng lí xiàng miè xiàng jiù jìng niè pán

cuối cùng đều quay về Chân Không. Ví như từ một đám mây

終歸於空。如一雲所雨。而藥

zhōng guī yú kōng rú yì yún suǒ yù ér yào

mưa xuống, thì cây thuốc lớn nhỏ gì cũng tốt tươi. Chúng con

樹 大 小。各 得 滋 茂。我 等 今 者。
shù dà xiǎo gè dé zī mào wǒ děng jīn zhě

ngày nay nhờ ơn lực Phật mà được nghe danh hiệu Thế Tôn
蒙 佛 恩 力。得 聞 世 尊 藥 師 琉 璃
méng fó ēn lì dé wén shì zūn yào shī liú lí

Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, không còn có nạn bệnh khổ
光 如 來 名 號。不 復 更 有 病 苦 之
guāng rú lái míng hào bú fù gèng yǒu bìng kǔ zhī

nữa, và mới có thể mong đến cứu cánh vô thượng Bồ Đề. Vì vậy,
難。乃 能 究 竟 無 上 菩 提。是 故
nàn nǎi néng jiù jìng wú shàng pú tí shì gù

ngày nay chúng con cùng nhau một lòng, suốt đời quy y
今 日。我 等 相 率。皆 同 一 心。乃
jīn rì wǒ děng xiāng shuài jiē tóng yì xīn nǎi

Phật Pháp Tăng. Và bây giờ quy y đảnh lễ nhất thiết
至 盡 形 皈 佛 法 僧。今 當 皈 命。
zhì jìn xíng guī fó fǎ sēng jīn dāng guī mìng

chư Phật.
一 切 諸 佛。
yí qiè zhū fó

Nam Mô Tỳ Lô Giá Na Phật

南 無 毗 盧 遮 那 佛

ná mó pí lú zhē nà fó

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛

ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來

ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Nam Mô Vô Lượng Thọ Phật

南 無 無 量 壽 佛

ná mó wú liàng shòu fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Quá Khứ Nhất Thiết Chư Phật

過 去 一 切 諸 佛

guò qù yí qiè zhū fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Hiện Tại Nhất Thiết Chư Phật

現 在 一 切 諸 佛

xiàn zài yí qiè zhū fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Vị Lai Nhất Thiết Chư Phật

未 來 一 切 諸 佛

wèi lái yí qiè zhū fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來

ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Bổn Nguyện Công Đức Kinh

本 願 功 德 經

běn yuàn gōng dé jīng

Nam Mô Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát

南 無 日 光 遍 照 菩 薩

ná mó rì guāng biàn zhào pú sà

Nam Mô Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát

南 無 月 光 遍 照 菩 薩

ná mó yuè guāng biàn zhào pú sà

Nam Mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

南 無 文 殊 師 利 菩 薩

ná mó wén shū shī lì pú sà

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát

南 無 觀 世 音 菩 薩

ná mó guān shì yīn pú sà

Nam Mô Đắc Đại Thế Bồ Tát

南 無 得 大 勢 菩 薩

ná mó dé dà shì pú sà

Nam Mô Vô Tận Ý Bồ Tát

南 無 無 盡 意 菩 薩

ná mó wú jìn yì pú sà

Nam Mô Bảo Đàm Hoa Bồ Tát

南 無 寶 曇 華 菩 薩

ná mó bǎo tán huā pú sà

Nam Mô Dược Vương Bồ Tát

南 無 藥 王 菩 薩

ná mó yào wáng pú sà

Nam Mô Dược Thượng Bồ Tát Nam Mô Di Lặc Bồ Tát

南 無 藥 上 菩 薩 南 無 彌 勒 菩 薩

ná mó yào shàng pú sà ná mó mí lè pú sà

Nam Mô Tiêu Tai Chướng Bồ Tát

南 無 消 災 障 菩 薩

ná mó xiāo zāi zhàng pú sà

Nam Mô Tăng Phúc Thọ Bồ Tát

南 無 增 福 壽 菩 薩

ná mó zēng fú shòu pú sà

Nam Mô Nhạc Âm Thụ Hạ Tam Vạn Lục Thiên Bồ Tát

南 無 樂 音 樹 下 三 萬 六 千 菩 薩

ná mó yuè yīn shù xià sān wàn liù qiān pú sà

Nam Mô A Nan Tôn Giả Bát Thiên Tỳ Kheo

南 無 阿 難 尊 者 八 千 比 丘

ná mó ā nàn zūn zhě bā qiān bǐ qiū

Chư Đại Thánh Tăng

諸 大 聖 僧

zhū dà shèng sēng

Nam Mô Cứu Thoát Bồ Tát

南 無 救 脫 菩 薩

ná mó jiù tuō pú sà

Lạy chư Phật xong, chúng con lại xin sám hối.

禮 諸 佛 已。次 復 懺 悔。

lǐ zhū fó yǐ cì fù chàn huǐ

Nếu có chúng sanh muốn khỏi bệnh khổ, thì phải vì

若 有 眾 生。欲 脫 病 苦。當 為

ruò yǒu zhòng shēng yù tuō bìng kǔ dāng wèi

người ấy mà thọ trì Bát Quan Trai Giới trong bảy ngày đêm,

其 人 七 日 七 夜 受 持 八 關 齋 戒。

qí rén qī rì qī yè shòu chí bā guān zhāi jiè

nên sắm các vật thực ăn uống và tùy sức mà sắm

應 以 飲 食。及 餘 資 具。

yīng yǐ yǐn shí jí yú zī jù

các thứ cần dùng, cúng dường Tỳ Kheo Tăng,

隨 力 所 辦。供 養 苾 芻 僧。

suí lì suǒ bàn gòng yàng bì chú sēng

ngày đêm sáu thời lễ bái hành đạo,

晝 夜 六 時。禮 拜 行 道。

zhòu yè liù shí lǐ bài xíng dào

cúng dường đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai và

供 養 彼 世 尊。藥 師 琉 璃 光 如 來。

gòng yàng bǐ shì zūn yào shī liú lí guāng rú lái

đọc tụng tôn Kinh bốn mươi chín biến,

讀 誦 尊 經 四 十 九 遍。

dú sòng zūn jīng sì shí jiǔ biàn

đốt bốn mươi chín ngọn đèn sáng luôn trong bốn mươi chín ngày

燃 四 十 九 燈。乃 至 四 十 九 日。

rán sì shí jiǔ dēng nǎi zhì sì shí jiǔ rì

đêm, ánh sáng không đứt. Như vậy thì có thể qua được tai nạn

光 明 不 絕。可 得 過 度 危 厄 之 難。

guāng míng bù jué kě dé guò dù wéi è zhī nàn

nguy khổn, không bị chín thứ hoạnh tử và quỷ dữ tác hại.

不 為 諸 橫 惡 鬼 所 持。

bù wéi zhū hèng è guǐ suǒ chí

thế nên hôm nay hiện tiền đệ tử chúng con

是 故 今 日。與 現 前 眾 等。

shì gù jīn rì yǔ xiàn qián zhòng děng

tất cả đều tinh tấn, đốt hương rải hoa

各 各 翹 勤。燒 香 散 華。

gè gè qiào qín shāo xiāng sàn huā

thắp đèn treo phan phóng sanh tu phước,

燃 燈 造 幡。放 生 修 福。

rán dēng zào fān fàng shēng xiū fú

để được qua khỏi khổ nguy, tránh được tai nạn.

令 度 苦 厄。不 遭 眾 難。

lìng dù kǔ è bù zāo zhòng nàn

Nguyện xin Như Lai chứng minh cho sự sám hối

惟 願 如 來。證 明 懺 悔。

wéi yuàn rú lái zhèng míng chàn huǐ

của chúng con. Đệ tử chúng từ vô thỉ

消 災 眾 等。又 復 無 始 以 來。

xiāo zāi zhòng děng yòu fù wú shǐ yǐ lái

đến ngày nay, phàm ra làm việc gì,

至 於 今 日。凡 有 所 為。

zhì yú jīn rì fán yǒu suǒ wéi

làm việc gì cũng không vừa ý. Nên biết tất cả đều vì ác nghiệp

皆 不 稱 意。當 知 悉 是 過 去 以 來。

jiē bú chèn yì dāng zhī xī shì guò qù yǐ lái

dư báo đã gây từ quá khứ đến nay. Vì vậy ngày nay cần phải nỗ

惡 業 遺 報 所 致。是 故 今 當 勤 求

è yè yí bào suǒ zhì shì gù jīn dāng qín qiú

lực mà cầu xin sám hối. Sám hối quả báo ác mộng, những cảnh

懺 悔。懺 悔 人 間 惡 夢 惡 相。諸

chàn huǐ chàn huǐ rén jiān è mèng è xiàng zhū

tưởng khủng khiếp, những sự không lành trong nhân gian. Sám

不 吉 祥 之 報。懺 悔 人 間 惡 病。

bù jí xiáng zhī bào chàn huǐ rén jiān è bìng

hối quả báo bệnh dữ suốt năm, nhiều tháng không lành, nằm mãi

連 年 累 月 不 瘥。枕 臥 床 席。不

lián nián lěi yuè bú chài zhěn wò chuáng xí bù

trên giường không thể ngồi dậy. Sám hối quả báo đông ôn hạ

能 起 居 之 報。懺 悔 人 間 冬 瘟 夏

néng qǐ jū zhī bào chàn huǐ rén jiān dōng wēn xià

dịch, sốt ác tính và thương hàn trong nhơn gian. Sám hối quả

疫。毒 癘 傷 寒 之 報。懺 悔 人 間

yì dú lì shāng hán zhī bào chàn huǐ rén jiān

báo nước lửa đạo tặc, binh đao hiểm nguy trong nhơn gian. Sám

水 火 盜 賊。刀 兵 危 險 之 報。懺

shuǐ huǒ dào zéi dāo bīng wéi xiǎn zhī bào chàn

hối quả báo độc hại sư tử, hổ lang, độc xà, ác yết, ngô công du

悔 人 間 為 被 獅 子、虎 狼、毒 蛇、

huǐ rén jiān wéi bèi shī zi hǔ láng dú shé

diên hại người trong nhơn gian. Sám hối các quả báo ưu sầu,

惡 蝎、蜈 蚣、蚰 蜒 害 人 之 報。懺

è xiē wú gōng yóu yán hài rén zhī bào chàn

khổ não, sanh, lão, bệnh, tử trong nhơn gian. Sám hối các quả

悔 人 間 生 老 病 死。憂 愁 苦 惱 之

huǐ rén jiān shēng lǎo bìng sǐ yōu chóu kǔ nǎo zhī

báo của thân miệng ý nghiệp tạo tác và tăng trưởng đủ thứ ác

報。懺 悔 眾 生 身 語 意 業。造 作 增

bào chàn huǐ zhòng shēng shēn yǔ yì yè zào zuò zēng

nghiệp của chúng sanh. Sám hối quả báo sẽ sa vào ba ác đạo,

長 種 種 惡 業 之 報。懺 悔 眾 生 當

zhǎng zhǒng zhǒng è yè zhī bào chàn huǐ zhòng shēng dāng

chịu khổ đau không lường năm tháng của chúng sanh.

墮 三 惡 趣 中。無 量 千 歲 受 諸 劇

duò sān è qù zhōng wú liàng qiān suì shòu zhū jù

Sám hối quả báo hay bị trôi lăn vô cùng trong địa ngục,

苦 之 報。懺 悔 眾 生 應 以 地 獄、

kǔ zhī bào chàn huǐ zhòng shēng yīng yǐ dì yù

bàng sanh, và quỷ của chúng sanh. Sám hối quả báo lại

傍 生、鬼 趣。流 轉 無 窮 之 報。懺

páng shēng guǐ qù liú zhuǎn wú qióng zhī bào chàn

sanh nữa trong các ác đạo của cả chúng sanh

悔 眾 生 不 復 更 生 諸 餘 惡 趣 之

huǐ zhòng shēng bú fù gèng shēng zhū yú è qù zhī

Sám hối quả báo làm tôi tớ người, bị người sai sử của cả

報。懺 悔 眾 生 為 人 奴 婢。受 他

bào chàn huǐ zhòng shēng wéi rén nú bì shòu tā

chúng sanh. Sám hối quả báo hoặc làm trâu bò, lừa ngựa,

驅 役 之 報。懺 悔 眾 生 或 作 牛 馬

qū yì zhī bào chàn huǐ zhòng shēng huò zuò niú mǎ

lạc đà thường bị đánh đập, lại còn quả báo luôn luôn đi đường

駝 驢。恒 被 鞭 撻 之 報。又 常 負

tuó lǘ héng bèi biān tà zhī bào yòu cháng fù

chở nặng, bị đói khát ép ngặt. Sám hối quả báo bị bùa ếm,

重 隨 路 而 行。饑 渴 逼 惱 之 報。

zhòng suí lù ér xíng jī kě bī nǎo zhī bào

thuốc độc, quỷ khởi thi, yêu mị tà dị của trong loài người.

懺 悔 人 間 魘 魅 蠱 毒。飛 屍 邪 鬼。

chàn huǐ rén jiān yǎn mèi gǔ dú fēi shī xié guǐ

Như thế không lường quả báo và họa hoạnh tai dịch

偽 作 妖 異 之 報。如 是 現 在 未 來

wèi zuò yāo yì zhī bào rú shì xiàn zài wèi lái

tử nạn, suy não trong hiện tại, vị lai ở cõi nhơn thiên.

人 天 之 中。無 量 禍 橫。災 疫 死

rén tiān zhī zhōng wú liàng huò hèng zāi yì sǐ

Tiêu tai chúng đẳng ngày nay hết lòng thành kính hướng về

難 衰 惱 之 報。消 災 眾 等。今 日

nàn shuāi nǎo zhī bào xiāo zāi zhòng děng jīn rì

đức Phật Dược Sư và Thánh Chúng Hải Hội mà cầu xin

至 誠 向 藥 師 佛。海 會 聖 眾。求

zhì chéng xiàng yào shī fó hǎi huì shèng zhòng qiú

sám hối, nguyện đều tiêu diệt tội lỗi từ trước bệnh ấy

哀 懺 悔。願 皆 消 滅。前 已 究 竟。

āi chàn huǐ yuan jiē xiāo miè qián yǐ jiù jìng

thuốc ấy đều như huyễn hóa. Tất cả báo chướng đều do

是 病 是 藥。同 歸 一 幻。惡 業 所

shì bìng shì yào tóng guī yí huàn è yè suǒ

nghiệp ác gây ra. Ngày nay phải theo thứ lớp phát nguyện

致。一 切 報 障。今 當 次 第。發 願

zhì yí qiè bào zhàng jīn dāng cì dì fā yuan

hồi hướng. Đệ tử chúng con nguyện đem công đức phát sanh

迴 向。消 災 眾 等。願 以 此 懺 悔
huí xiàng xiāo zāi zhòng děng yuàn yǐ cǐ chàn huǐ

do sự sám hối ba chướng mà đều hồi hướng, ban cho tất cả
三 障 所 生 功 德。悉 皆 迴 向。施
sān zhàng suǒ shēng gōng dé xī jiē huí xiàng shī

chúng sanh để cùng sám hối. Nguyện cho tất cả chúng
與 一 切 眾 生。俱 同 懺 悔。願 與
yǔ yí qiè zhòng shēng jù tóng chàn huǐ yuan yǔ

sanh từ nay trở đi cho đến chứng quả Bồ Đề, nhớ sanh
一 切 眾 生。從 今 以 去。乃 至 菩
yí qiè zhòng shēng cóng jīn yǐ qù nǎi zhì pú

tử khổ mà phát Bồ Đề tâm. Rồi đổi ác làm lành, bỏ
提。念 生 死 苦。發 菩 提 心。改 惡
tí niàn shēng sǐ kǔ fā pú tí xīn gǎi è

tà về chánh. Thân tâm an lạc, tốt đẹp không cùng, thức ăn
修 善。返 邪 歸 正。身 心 安 樂。妙
xiū shàn fǎn xié guī zhèng shēn xīn ān lè miào

đồ mặc sung túc, nhà cửa, thân thuộc, đồ dùng và kho nẫm
算 無 窮。衣 食 豐 饒。家 屬 資 具。
suàn wú qióng yī shí fēng ráo jiā shǔ zī jù

tràn đầy. Hình tướng đoan chánh, thông minh, trí tuệ, dũng

倉 庫 盈 溢。形 相 端 正。聰 明 智

cāng kù yíng yì xíng xiàng duān zhèng cōng míng zhì

kiện, oai mãn. Thần Tướng Dược Xoa ủng hộ. Chư Phật

慧 勇 健 威 猛。諸 將 擁 護。佛 聖

huì yǒng jiàn wēi měng zhū jiàng yǒng hù fó shèng

và Thánh Chúng nhiếp thọ. Làm gì cũng được ân trạch của đức

匡 扶。凡 所 施 為。悉 希 慈 蔭。消

kuāng fú fán suǒ shī wéi xī xī cí yìn xiāo

Từ Bi. Đệ tử chúng con lại nguyện từ nay sắp đi, mau chứng

災 眾 等。又 願 從 今 以 去。速 證

zāi zhòng děng yòu yuan cóng jīn yǐ qù sù zhèng

Bồ Đề, tướng tốt quang minh, trang nghiêm thù thắng. Nguyện

菩 提。相 好 光 明。莊 嚴 殊 勝。願

pú tí xiàng hǎo guāng míng zhuāng yán shū shèng yuan

chư chúng sanh đặng nhờ hào quang khai ngộ, tùy ý hướng

諸 眾 生 蒙 光 開 曉。隨 意 所 趣。

zhū zhòng shēng méng guāng kāi xiǎo suí yì suǒ qù

mà làm mọi sự nghiệp. Nguyện chư chúng sanh không bao

作 諸 事 業。願 諸 眾 生 皆 得 無 盡

zuò zhū shì yè yuan zhū zhòng shēng jiē dé wú jìn

giờ thiếu thốn những đồ vật dùng. Nguyện chư chúng sanh

所 受 用 物。無 所 乏 少。願 諸 眾

suǒ shòu yòng wù wú suǒ fá shǎo yuàn zhū zhòng

kiến lập Đại Thừa, đều được an trụ trong đạo Bồ Đề.

生 建 立 大 乘。悉 令 安 住 菩 提 道

shēng jiàn lì dà chèng xī lìng ān zhù pú tí dào

Nguyện cho chúng sanh được giới thể không thiếu sót. Nếu

中。願 諸 眾 生 得 不 缺 戒。設 有

zhōng yuan zhū zhòng shēng dé bù quē jiè shè yǒu

có hủy phạm thì được trở lại thanh tịnh. Nguyện cho chúng sanh

毀 犯。還 得 清 淨。願 諸 眾 生 端

huǐ fàn huán dé qīng jìng yuan zhū zhòng shēng duān

thông minh đoan chánh, các căn đầy đủ, không có bệnh khổ.

正 黠 慧。諸 根 完 具。無 諸 疾 苦。

zhèng xiá huì zhū gēn wán jù wú zhū jí kǔ

Nguyện cho chúng sanh bệnh tật tiêu trừ. Nhà cửa, thân thuộc,

願 諸 眾 生 眾 病 悉 除。家 屬 資

具。

yuàn zhū zhòng shēng zhòng bìng xī chú jiā shǔ zī jù

của cải thảy đều đầy đủ. Nguyện cho chúng sanh chuyển thân

悉 皆 豐 足。願 諸 眾 生 轉 女 成 男。

xī jiē fēng zú yuan zhū zhòng shēng zhuǎn nǚ chéng nán

nữ thành nam, đủ tướng trượng phu, cho đến thành tựu Bồ Đề.

具 丈 夫 相。乃 至 菩 提。願 諸 眾

jù zhàng fū xiàng nǎi zhì pú tí yuan zhū zhòng

Nguyện cho chúng sanh thoát khỏi lưới ma, giải thoát hết thảy sự

生 出 魔 羅 網。解 脫 一 切 外 道 纏

shēng chū mó luó wǎng jiě tuō yí qiè wài dào chán

ràng buộc của ngoại đạo. Nguyện cho chúng sanh không bị pháp

縛。願 諸 眾 生 王 法 所 加。悲 愁

fú yuàn zhū zhòng shēng wáng fǎ suǒ jiā bēi chóu

vua gia hại, buồn rầu ép ngặt, đều được an lành. Nguyện cho

煎 逼。皆 得 解 脫。願 諸 眾 生 飲

jiān bī jiē dé jiě tuō yuàn zhū zhòng shēng yǐn

chúng sanh thức ăn no đủ, sau đặng pháp vị rốt ráo an lạc.

食 飽 足。後 以 法 味。畢 竟 安 樂。

shí bǎo zú hòu yǐ fǎ wèi bì jìng ān lè

Nguyện cho chúng sanh tất cả mọi thứ y phục tùy tâm mãn

願 諸 眾 生 如 其 所 好。種 種 衣 服。

yuàn zhū zhòng shēng rú qí suǒ hào zhǒng zhǒng yī fú

nguyện đầy đủ như ý. Nguyện cho chúng sanh giàu có sống lâu, 隨 心 滿 足。願 諸 眾 生 長 壽 富 饒。

suí xīn mǎn zú yuan zhū zhòng shēng cháng shòu fù ráo

quan vị, con trai con gái, phàm tất cả các điều mong cầu đều 官 位 男 女。凡 有 所 求。一 切 皆

guān wèi nán nǚ fán yǒu suǒ qiú yí qiè jiē

được thỏa nguyện. Nguyện thế giới trăm quái, chín hoạnh, tám 遂。令 諸 世 界。百 怪 九 橫。八 難

suì lìng zhū shì jiè bǎi guài jiǔ hèng bā nàn

nạn, ba tai, nước khác xâm chiếm, giặc cướp phản loạn, bao 三 災。他 國 侵 擾。盜 賊 反 亂。一

sān zāi tā guó qīn rǎo dào zéi fǎn luàn yí

nhiêu nạn dữ đều được trừ diệt. Trong nước sẽ đặng an ổn, 切 惡 難。盡 皆 消 滅。國 界 安 穩。

qiè è nàn jìn jiē xiāo miè guó jiè ān wěn

mưa gió thuận hòa, lúa mạ được mùa, mọi người

風 雨 順 時。穀 稼 成 熟。一 切 有

fēng yǔ shùn shí gǔ jià chéng shóu yí qiè yǒu

không bệnh vui vẻ, hạnh nguyện Bồ Đề càng thêm

情。無 病 歡 樂。菩 提 行 願。念 念

qíng wú bìng huān lè pú tí hèng yuàn niàn niàn

vững chắc, cứu khổ chúng sanh như luôn tưởng cứu tự thân.

增 明。救 苦 眾 生。常 如 己 想。又

zēng míng jiù kǔ zhòng shēng cháng rú jǐ xiǎng yòu

Lại nguyện đời đời kiếp kiếp, sanh ra ở đâu cũng không lạc

願 生 生 世 世。在 在 處 處。不 墮

yuàn shēng shēng shì shì zài zài chù chù bú duò

vào những chỗ biên thùy, sanh nhà chánh tín, tướng mạo

邊 鄙。生 正 信 家。相 貌 端 嚴。智

biān bǐ shēng zhèng xìn jiā xiàng mào duān yán zhì

trang nghiêm, trí tuệ biện tài; viễn ly ác pháp, thân cận thiện hữu;

慧 辯 才。遠 離 惡 法。親 近 善 友。

huì biàn cái yuan lí è fǎ qīn jìn shàn yǒu

kiên trì giới hạnh, an lập Đại Thừa. Lại nguyện đời đời

堅 持 律 行。安 立 大 乘。又 願 生

jiān chí lǜ hèng ān lì dà chèng yòu yuàn shēng

kiếp kiếp, sanh ra ở đâu cũng hưng hiển Pháp Phật,

生 世 世。在 在 處 處。興 顯 佛 法。

shēng shì shì zài zài chù chù xīng xiǎn fó fǎ

phá hủy lưới ma; phấn chí mà tu hành đầy đủ sáu ba la mật,

破 諸 魔 網。奮 志 滿 修 六 波 羅 蜜。

pò zhū mó wǎng fèn zhì mǎn xiū liù bō luó mì

quảng tu cúng dường, phước huệ trang nghiêm, nhẫn nhục tinh

廣 修 供 養。福 慧 莊 嚴。忍 辱 精

guǎng xiū gòng yàng fú huì zhuāng yán rěn rù jīng

tấn, chứng quả Bồ Đề. Hôm nay chúng con nghĩ báo ân đức của

進。證 菩 提 道。我 等 今 日。應 當

jìn zhèng pú tí dào wǒ děng jīn rì yīng dāng

Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, bằng cách thường phải

念 報 藥 師 琉 璃 光 如 來 恩 德。常

niàn bào yào shī liú lí guāng rú lái ēn dé cháng

làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh. Như Thế cho nên chúng

應 如 是 利 益 安 樂 一 切 有 情。是

yīng rú shì lì yì ān lè yí qiè yǒu qíng shì

con chí tâm quy y đảnh lễ.

故 至 心。皈 命 頂 禮。

gù zhì xīn guī mìng dǐng lǐ

Dược Sư Quán Đảnh Chân Ngôn

藥師灌頂真言

Nam mô bạc dà phạt đế Bệ sát xã
南無薄伽伐帝，鞞殺社，
ná mó bó qié fá dì bì shā shè

Lụ lô thích lưu ly Bát lặt bà
窶嚕薜琉璃，鉢囉婆，
jù lū bì liú lí bō lā pó

Hắc ra xà dã Đát tha yết đa da
喝喇闍也，怛他揭哆耶，
hē là shé yě dá tā jiē duō yé

A ra ha đế Tam miệu tam bồ đà da
阿囉訶帝，三藐三勃陀耶，
ā lā hē dì sān miǎo sān bó tuó yé

Đát điệt tha Án Bệ sát thệ Bệ sát thệ
怛姪他，唵，鞞殺逝，鞞殺逝，
dá zhí tā nān bì shā shì bì shā shì

Bệ sát xã Tam một yết đế ta ha (3 lần)
鞞殺社，三沒揭帝莎訶。(三遍)
bì shā shè sān mò jiē dì suō hē (3 x)

Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn

七佛滅罪真言

Ly bà ly bà đế Cầu ha cầu ha đế
離婆離婆帝，求訶求訶帝，
lí pó lí pó dì qiú hē qiú hē dì

Đà ra ni đế Ni ha ra đế
陀羅尼帝，尼訶囉帝，
tuó luó ní dì ní hē lā dì

Tỳ lê nễ đế Ma ha già đế
毗黎你帝，摩訶伽帝，
pí lí nǐ dì mó hē qié dì

Chơn lăng càn đế Ta bà ha (3 lần)
真陵乾帝，娑婆訶。（三遍）
zhēn líng qián dì suō pó hē (3 x)

Bổ Khuyết Chân Ngôn
補闕真言

Nam mô tam mãn đa Một đà nẫm
南無三滿哆，沒馱喃，
Ná mó sān mǎn duō mò tuó nán

A bát ra đế Yết đa chiết Chiết nại di
阿鉢囉帝，喝多折，折捺彌，
ā bō lā dì hē duō zhé zhé nà mí

Án Kê di kê di Đát tháp cát tháp nẫm
唵，雞彌雞彌，怛塔葛塔喃，
nān jī mí jī mí dá tǎ gě tǎ nán

Mạt ngõa sơn đính bát ra đế
末瓦山矴鉢囉帝，
mò wā shān ding bō lā dì

Ô đát ma đát ma Đát tháp cát tháp nẫm
烏怛摩怛摩，怛塔葛塔喃，
wū dá mó dá mó dá tǎ gě tǎ nán

Mạt ngõa hồng Phấn ta ha (3 lần)
末瓦吽，婆娑訶。（三遍）
mò wǎ hōng pān suō hē (3 x)

Đông Phương đoan tọa Vô thượng Y Vương

東 方 端 坐。 無 上 醫 王。

dōng fāng duān zuò wú shàng yī wáng

Mười hai đại nguyện diệu khó lường Diệt tội hết tai ương,

十 二 大 願 妙 難 量。滅 罪 殄 災 殃。

shí èr dà yuan miào nán liáng miè zuì tiǎn zāi yang

Giáng phúc an khương Tăng ích thọ miên trường

降 福 垂 祥。 增 益 壽 綿 長。

jiàng fú chuí xiáng zēng yì shòu mián cháng

Dược Sư Phật Dược Sư Phật

藥 師 佛。藥 師 佛。

yào shī fó yào shī fó

Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật

消 災 延 壽 藥 師 佛。

xiāo zāi yán shòu yào shī fó

Nam Mô Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật (3 lần)

南 無 消 災 延 壽 藥 師 佛 （三稱）

ná mó xiāo zāi yán shòu yào shī fó (3 x)

Xướng kệ, nhiễu Phật, niệm Phật, xong hồi hướng.
起佛偈遶壇念佛迴向

Khể thủ đông phương mãn nguyệt giới
稽 首 東 方 滿 月 界
qǐ shǒu dōng fāng mǎn yuè jiè

Vi diệu chánh giác Dược Sư Tôn
微 妙 正 覺 藥 師 尊
wéi miào zhèng jué yào shī zūn

Tam kỳ quả mãn bất tư nghị
三 祇 果 滿 不 思 議
sān qí guǒ mǎn bù sī yì

Thập hiệu danh xưng vô đẳng luân
十 號 名 稱 無 等 倫
shí hào míng chēng wú děng lún

Nhị lục nguyện môn nhân địa phát
二 六 願 門 因 地 發
èr liù yuàn mén yīn dì fā

Bách thiên tướng hảo quả trung viên
百 千 相 好 果 中 圓
bǎi qiān xiàng hǎo guǒ zhōng yuán

Từ bi hải khoát trắc nan lường

慈 悲 海 闊 測 難 量
cí bēi hǎi kuò cè nán liáng

Công đức sơn cao tán mạc tận
功 德 山 高 讚 莫 盡
gōng dé shān gāo zàn mò jìn

Nam Mô Đông Phương Tịnh Lưu Ly Thế Giới
南 無 東 方 淨 琉 璃 世 界
ná mó dōng fāng jìng liú lí shì jiè

Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai
藥 師 琉 璃 光 如 來
yào shī liú lí guāng rú lái

Nam Mô Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật
南 無 消 災 延 壽 藥 師 佛
ná mó xiāo zāi yán shòu yào shī fó

Có thể niệm trăm lần hoặc ngàn lần, sau đó tùy hỷ hồi hướng.
或百聲千聲隨意迴向

Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Sám Pháp Quyển Trung
消 災 延 壽 藥 師 懺 法 卷 中

Hồi Hướng Công Đức (1)

迴向功德一

Nguyện đem công đức này
願 以 此 功 德
yuàn yǐ cǐ gōng dé

Hướng về khắp tất cả
普 及 於 一 切
pǔ jí yú yí qiè

Đệ tử và chúng sanh
我 等 與 眾 生
wǒ děng yǔ zhòng shēng

Đều trọn thành Phật Đạo.
皆 共 成 佛 道。
jiē gòng chéng fó dào

Hồi Hướng Công Đức (2)

迴向功德二

Lễ sám công đức thù thắng hạnh
禮 懺 功 德 殊 勝 行
lǐ chàn gōng dé shū sheng hèng

Vô biên thắng phúc giai hồi hướng
無 邊 勝 福 皆 迴 向 ；
wú biān sheng fú jiē huí xiàng

Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh
普 願 沉 溺 諸 眾 生
pǔ yuàn chén nì zhū zhòng sheng

Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát
速 往 無 量 光 佛 剎 。
sù wǎng wú liàng guāng fó chà

Thập phương tam thế nhất thiết Phật
十 方 三 世 一 切 佛 ，
shí fāng sān shì yí qiè fó

Nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát
一 切 菩 薩 摩 訶 薩 ，
yí qiè pú sà mó hē sà

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật
摩 訶 般 若 波 羅 蜜 。
mó hē bō rě bō luó mì

TiêuTai Diên Thọ Dược Sư Sám Pháp Quyển Hạ

消災延壽藥師懺法卷下

Phật thân sung mãn ư pháp giới
佛身充滿於法界。
fó shēn chōng mǎn yú fǎ jiè

Phổ hiện nhất thiết chúng sanh tiền
普現一切眾生前。
pǔ xiàn yí qiè zhòng shēng qián

Tùy duyên phó cảm mị bất chu
隨緣赴感靡不周。
suí yuán fù gǎn mí bù zhōu

Nhi hằng xử thử Bồ Đề tọa
而恒處此菩提座。
ér héng chǔ cǐ pú tí zuò

Nhất thiết chư Phật Mẫn niệm chúng sanh
三世諸佛。愍念眾生。
sān shì zhū fó mǐn niàn zhòng shēng

Vị thuyết Dược Sư Đạo tràng sám pháp
為說藥師。道場懺法。
wèi shuō yào shī dào chǎng chàn fǎ

Kim đương quy mệnh Nhất thiết chư Phật

今 當 皈 命。一 切 諸 佛。

jīn dāng guī mìng yí qiè zhū fó

Nam Mô Tỳ Lô Giá Na Phật

南 無 毗 盧 遮 那 佛

ná mó pí lú zhē nà fó

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛

ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來

ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Nam Mô Vô Lượng Thọ Phật

南 無 無 量 壽 佛

ná mó wú liàng shòu fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Quá Khứ Nhất Thiết Chư Phật

過 去 一 切 諸 佛

guò qù yí qiè zhū fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Hiện Tại Nhất Thiết Chư Phật

現 在 一 切 諸 佛

xiàn zài yí qiè zhū fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Vị Lai Nhất Thiết Chư Phật

未 來 一 切 諸 佛

wèi lái yí qiè zhū fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來

ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Bổn Nguyện Công Đức Kinh

本 願 功 德 經

běn yuàn gōng dé jīng

Nam Mô Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát

南 無 日 光 遍 照 菩 薩

ná mó rì guāng biàn zhào pú sà

Nam Mô Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát

南 無 月 光 遍 照 菩 薩

ná mó yuè guāng biàn zhào pú sà

Nam Mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

南 無 文 殊 師 利 菩 薩

ná mó wén shū shī lì pú sà

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát

南 無 觀 世 音 菩 薩

ná mó guān shì yīn pú sà

Nam Mô Đắc Đại Thế Bồ Tát

南 無 得 大 勢 菩 薩

ná mó dé dà shì pú sà

Nam Mô Vô Tận Ý Bồ Tát

南 無 無 盡 意 菩 薩

ná mó wú jìn yì pú sà

Nam Mô Bảo Đàm Hoa Bồ Tát

南 無 寶 曇 華 菩 薩

ná mó bǎo tán huā pú sà

Nam Mô Dược Vương Bồ Tát

南 無 藥 王 菩 薩

ná mó yào wáng pú sà

Nam Mô Dược Thượng Bồ Tát Nam Mô Di Lặc Bồ Tát

南 無 藥 上 菩 薩 南 無 彌 勒 菩 薩

ná mó yào shàng pú sà ná mó mí lè pú sà

Nam Mô Tiêu Tai Chướng Bồ Tát

南 無 消 災 障 菩 薩

ná mó xiāo zāi zhàng pú sà

Nam Mô Tăng Phúc Thọ Bồ Tát

南 無 增 福 壽 菩 薩

ná mó zēng fú shòu pú sà

Nam Mô Nhạc Âm Thụ Hạ Tam Vạn Lục Thiên Bồ Tát

南 無 樂 音 樹 下 三 萬 六 千 菩 薩

ná mó yuè yīn shù xià sān wàn liù qiān pú sà

Nam Mô A Nan Tôn Giả Bát Thiên Tỳ Kheo

南 無 阿 難 尊 者 八 千 比 丘

ná mó ā nàn zūn zhě bā qiān bǐ qiū

Chư Đại Thánh Tăng

諸 大 聖 僧

zhū dà shèng sēng

Nam Mô Cứu Thoát Bồ Tát

南 無 救 脫 菩 薩

ná mó jiù tuō pú sà

Lễ chư Phật xong, kế đến lại sám hối. Chúng con đã sám

禮 諸 佛 已。次 復 懺 悔。消 災 眾

lǐ zhū fó yǐ cì fù chàn huǐ xiāo zāi zhòng

hối từ trước đến nay, bây giờ chúng con sinh tâm không cấu,

等。上 來 既 懺 悔 已。應 生 無 垢

děng shàng lái jì chàn huǐ yǐ yīng shēng wú gòu

không trược, không ác, không hại, đối với tất cả chúng sanh,

濁 心。無 怒 害 心。於 一 切 有 情。

zhuó xīn wú nù hài xīn yú yí qiè yǒu qíng

thường khởi lòng từ bi, hỷ xả, bình đẳng; thường làm lợi ích an

起 利 益 安 樂 慈 悲 喜 捨 平 等 之

qǐ lì yì ān lè cí bēi xǐ shě píng děng zhī

lạc, như thế nhiếp niệm chánh quán, không đoạn kiết sử, không

心。於 是 斂 念 正 觀。不 斷 結 使。

xīn yú shì liàn niàn zhèng guān bú duàn jié shǐ

trú sử hải, quan sát các pháp không như thật tướng. Thế nào gọi

不 住 使 海。觀 一 切 法 空。如 實

bú zhù shǐ hǎi guān yí qiè fǎ kōng rú shí

là quán các pháp không? Hành giả quán sát kỹ, hiện tại một

相。云 何 名 觀 一 切 法 空。行 者

xiàng yún hé míng guān yí qiè fǎ kōng xíng zhě

niệm đây, chỉ là vọng tâm tùy theo duyên mà khởi. Tâm như vậy,

諦 觀。現 在 一 心。妄 心 隨 所 緣

dì guān xiàn zài yì xīn wàng xīn suí suǒ yuán

là do tâm mà có tâm? hay là không do tâm mà thành tâm? Là

起。如 此 之 心。為 因 心 故 心。為

qǐ rú cǐ zhī xīn wéi yīn xīn gù xīn wéi

cũng do nơi tâm mà có tâm, hay là cũng không phải không do

不 因 心 故 心。為 亦 因 心 亦 不 因

bù yīn xīn gù xīn wéi yì yīn xīn yì bù yīn

nơi tâm mà có tâm? Là ở quá khứ, ở hiện tại hay ở vị lai? hoặc

心 故 心。為 非 因 心 非 不 因 心 故

xīn gù xīn wéi fēi yīn xīn fēi bù yīn xīn gù

là ở trong, ở ngoài, hay ở khoảng giữa? có dấu vết gì? Ở

心。為 在 三 世。為 在 內 外 中 間。

xīn wéi zài sān shì wéi zài nèi wài zhōng jiān

phương sở nào? Như thế ở trong mọi thứ nhân duyên tìm tâm,

有 何 足 跡。在 何 方 所。如 是 等

yǒu hé zú jī zài hé fāng suǒ rú shì děng

rốt ráo vẫn không thể tìm được, cũng như mộng như huyễn,

種 種 因 緣 中。求 心 畢 竟 不 可 得。

zhǒng zhǒng yīn yuán zhōng qiú xīn bì jìng bù kě dé

không danh không tướng. Bấy giờ người hành giả còn không

如 夢 如 幻。無 名 無 相。爾 時 行

rú mèng rú huàn wú míng wú xiàng ěr shí xíng

thấy tâm là sanh tử, đâu thấy có tâm là Niết Bàn. Và không tìm

者。尚 不 見 心 是 生 死。豈 見 心

zhě shàng bú jiàn xīn shì shēng sǐ qǐ jiàn xīn

được cái sở quán thì cũng không tìm được cái năng quán,

是 涅 槃。既 不 得 所 觀。亦 不 得

shì niè pán jì bù dé suǒ guān yì bù dé

không thủ không xả, không dựa không bám, cũng không trú ở

能 觀。不 取 不 捨。不 依 不 著。亦

néng guān bù qǔ bù shě bù yī bù zhuó yì

nơi tịch diệt, con đường ngôn ngữ đã tuyệt, không thể trình

不 住 寂 然。言 語 道 斷。不 可 宣

bú zhù jí rán yán yǔ dào duàn bù kě xuān

bày. Quán tâm không tâm thì tội phước không có chủ tể. Tội

說。觀 心 無 心。則 罪 福 無 主。罪

shuō guān xīn wú xīn zé zuì fú wú zhǔ zuì

phước tánh vốn không, thì tất cả các pháp là không. Tâm không

福 性 空。則 一 切 法 皆 空。心 無

fú xìng kōng zé yí qiè fǎ jiē kōng xīn wú

tâm sở, pháp không trú pháp. Sám hối như vậy mới gọi là đại

所 心。法 不 住 法。作 是 懺 悔。名

suǒ xīn fǎ bú zhù fǎ zuò shì chàn huǐ míng

sám hối, cũng gọi là sám hối để phá hủy tâm thức. Vì nhân

大 懺 悔。名 破 壞 心 識 懺 悔。以

dà chàn huǐ míng pò huài xīn shì chàn huǐ yǐ

duyên này, tâm vương tâm sở được vắng lặng, niệm niệm không

是 因 緣。心 心 寂 滅。念 念 無 住。

shì yīn yuán xīn xīn jí miè niàn niàn wú zhù

trú ở. Như hư không mà hư không cũng không thể tìm được,

如 太 虛 空。虛 空 亦 不 可 得。究

rú tài xū kōng xū kōng yì bù kě dé jiù

rốt ráo không thể đặng, cái không thể đặng cũng không. Tự nhiên

竟 不 可 得。亦 不 可 得。自 然 超

jìng bù kě dé yì bù kě dé zì rán chāo

siêu vượt các tam muội, quang minh rực rỡ, muôn pháp hiển bày,

諸 三 昧。光 明 照 耀。萬 法 顯 現。

zhū sān mèi guāng míng zhào yào wàn fǎ xiǎn xiàn

thấu suốt tất cả không ngăn ngại, rộng lớn như pháp tánh, cứu

通 達 無 礙。廣 大 如 法 性。究 竟

tōng dá wú ài guǎng dà rú fǎ xìng jiù jìng

cánh như hư không. Nguyện xin được như sở nguyện và đầy đủ

如 虛 空。惟 願 得 如 所 願。滿 菩

rú xū kōng wéi yuan dé rú suǒ yuàn mǎn pú

Bồ Đề nguyện. Đệ tử chúng con, ai nấy vận dụng tâm trí mà quy

提 願。眾 等 各 各 運 心。皈 命 頂

tí yuan zhòng děng gè gè yùn xīn guī mìng dǐng

mạng đảnh lễ:

禮。

lǐ

Nam Mô Tỳ Lô Giá Na Phật

南 無 毗 盧 遮 那 佛

ná mó pí lú zhē nà fó

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛

ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來

ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Nam Mô Vô Lượng Thọ Phật

南 無 無 量 壽 佛

ná mó wú liàng shòu fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Quá Khứ Nhất Thiết Chư Phật

過 去 一 切 諸 佛

guò qù yí qiè zhū fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Hiện Tại Nhất Thiết Chư Phật

現 在 一 切 諸 佛

xiàn zài yí qiè zhū fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Vị Lai Nhất Thiết Chư Phật

未 來 一 切 諸 佛

wèi lái yí qiè zhū fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來

ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Bổn Nguyện Công Đức Kinh

本 願 功 德 經

běn yuàn gōng dé jīng

Nam Mô Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát

南 無 日 光 遍 照 菩 薩

ná mó rì guāng biàn zhào pú sà

Nam Mô Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát

南 無 月 光 遍 照 菩 薩

ná mó yuè guāng biàn zhào pú sà

Nam Mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

南 無 文 殊 師 利 菩 薩

ná mó wén shū shī lì pú sà

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát

南 無 觀 世 音 菩 薩

ná mó guān shì yīn pú sà

Nam Mô Đắc Đại Thế Bồ Tát

南 無 得 大 勢 菩 薩

ná mó dé dà shì pú sà

Nam Mô Vô Tận Ý Bồ Tát

南 無 無 盡 意 菩 薩

ná mó wú jìn yì pú sà

Nam Mô Bảo Đàm Hoa Bồ Tát

南 無 寶 曇 華 菩 薩

ná mó bǎo tán huā pú sà

Nam Mô Dược Vương Bồ Tát

南 無 藥 王 菩 薩

ná mó yào wáng pú sà

Nam Mô Dược Thượng Bồ Tát Nam Mô Di Lặc Bồ Tát

南 無 藥 上 菩 薩 南 無 彌 勒 菩 薩

ná mó yào shàng pú sà ná mó mí lè pú sà

Nam Mô Tiêu Tai Chướng Bồ Tát

南 無 消 災 障 菩 薩

ná mó xiāo zāi zhàng pú sà

Nam Mô Tăng Phúc Thọ Bồ Tát

南 無 增 福 壽 菩 薩

ná mó zēng fú shòu pú sà

Nam Mô Nhạc Âm Thụ Hạ Tam Vạn Lục Thiên Bồ Tát

南 無 樂 音 樹 下 三 萬 六 千 菩 薩

ná mó yuè yīn shù xià sān wàn liù qiān pú sà

Nam Mô A Nan Tôn Giả Bát Thiên Tỳ Kheo

南 無 阿 難 尊 者 八 千 比 丘

ná mó ā nàn zūn zhě bā qiān bǐ qiū

Chư Đại Thánh Tăng

諸 大 聖 僧

zhū dà shèng sēng

Nam Mô Cứu Thoát Bồ Tát

南 無 救 脫 菩 薩

ná mó jiù tuō pú sà

Lạy chư Phật rồi; kế đến quán tâm thật tướng;

禮 諸 佛 已。復 次 觀 心 實 相。

lǐ zhū fó yǐ fù cì guān xīn shí xiàng

ở trong mỗi mỗi thời, làm mỗi mỗi pháp,

於 一 一 時。行 一 一 法。

yú yī yī shí xíng yī yī fǎ

hoặc đi đứng nằm ngồi, ra vào

若 行 若 坐。若 出 入。

ruò xíng ruò zuò ruò chū rù

đại tiểu tiện lợi rưới quét tắm giặt

大 小 便 利。灑 掃 洗 浣。

dà xiǎo biàn lì sǎ sǎo xǐ wǎn

cúi ngước xem nghe, ra làm các việc,

運 為 舉 動。俯 仰 視 聽。

yùn wéi jǔ dòng fǔ yǎng shì tīng

cần phải nhất tâm, thường nhớ nghĩ Tam Bảo.

應 當 一 心。存 念 三 寶。

yīng dāng yì xīn cún niàn sān bǎo

Quán tâm tánh không trong một giây lát cũng không cho

觀 心 性 空。不 得 於 剎 那 頃。

guān xīn xìng kōng bù dé yú chà nà qǐng

nhớ nghĩ ngũ dục thế sự mà sanh tà niệm,

憶 念 五 欲 世 事。生 邪 念 心。

yì niàn wǔ yù shì shì shēng xié niàn xīn

cùng với người ngoài nói năng bàn luận

及 與 外 人 言 語 議 論。

jí yǔ wài rén yán yǔ yì lùn

cười cợt buông lung, xem sắc nghe tiếng,

放 逸 戲 笑。視 色 聽 聲。

fàng yì xì xiào shì sè tīng shēng

say đắm các cảnh trần, khởi nghiệp chẳng lành,

著 諸 塵 境。起 不 善 業。

zhuó zhū chén jìng qǐ bú shàn yè

phiền não vô ký, tạp niệm, không hay như pháp mà tu hành,

無 記 煩 惱 雜 念。不 能 如 法 修 行。

wú jì fán nǎo zá niàn bù néng rú fǎ xiū xíng

nếu được tâm tâm nối nhau,

若 果 心 心 相 續。

ruò guǒ xīn xīn xiāng xù

không rời thật tướng, không tiếc thân mạng

不 離 實 相。不 惜 身 命。
bù lí shí xiàng bù xí shēn mìng

mà vì tất cả chúng sanh, làm theo pháp sám này
為 一 切 眾 生。行 懺 悔 法。
wèi yí qiè zhòng shēng xíng chàn huǐ fǎ

gọi là chân thật, một lòng tinh tấn
是 名 真 實。一 心 精 進。
shì míng zhēn shí yì xīn jīng jìn

dùng pháp trang nghiêm. Vậy nên chúng con
以 法 莊 嚴。是 故 眾 等。
yǐ fǎ zhuāng yán shì gù zhòng děng

đem cả lòng thành năm vóc lạy sát đất
重 復 至 誠。五 體 投 地。
chóng fù zhì chéng wǔ tǐ tóu dì

quy mạng kỉnh lễ thường trú Tam Bảo.
皈 命 頂 禮。常 住 三 寶。
guī mìng dǐng lǐ cháng zhù sān bǎo

Nam Mô Tỳ Lô Giá Na Phật

南 無 毗 盧 遮 那 佛

ná mó pí lú zhē nà fó

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛

ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來

ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Nam Mô Vô Lượng Thọ Phật

南 無 無 量 壽 佛

ná mó wú liàng shòu fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Quá Khứ Nhất Thiết Chư Phật

過 去 一 切 諸 佛

guò qù yí qiè zhū fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Hiện Tại Nhất Thiết Chư Phật

現 在 一 切 諸 佛

xiàn zài yí qiè zhū fó

Nam Mô Tận Thập Phương Biến Pháp Giới

南 無 盡 十 方 遍 法 界

ná mó jìn shí fāng biàn fǎ jiè

Vị Lai Nhất Thiết Chư Phật

未 來 一 切 諸 佛

wèi lái yí qiè zhū fó

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai

南 無 藥 師 琉 璃 光 如 來

ná mó yào shī liú lí guāng rú lái

Bổn Nguyện Công Đức Kinh

本 願 功 德 經

běn yuàn gōng dé jīng

Nam Mô Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát

南 無 日 光 遍 照 菩 薩

ná mó rì guāng biàn zhào pú sà

Nam Mô Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát

南 無 月 光 遍 照 菩 薩

ná mó yuè guāng biàn zhào pú sà

Nam Mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

南 無 文 殊 師 利 菩 薩

ná mó wén shū shī lì pú sà

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát

南 無 觀 世 音 菩 薩

ná mó guān shì yīn pú sà

Nam Mô Đắc Đại Thế Bồ Tát

南 無 得 大 勢 菩 薩

ná mó dé dà shì pú sà

Nam Mô Vô Tận Ý Bồ Tát

南 無 無 盡 意 菩 薩

ná mó wú jìn yì pú sà

Nam Mô Bảo Đàm Hoa Bồ Tát

南 無 寶 曇 華 菩 薩

ná mó bǎo tán huā pú sà

Nam Mô Dược Vương Bồ Tát

南 無 藥 王 菩 薩

ná mó yào wáng pú sà

Nam Mô Dược Thượng Bồ Tát　　Nam Mô Di Lặc Bồ Tát

南 無 藥 上 菩 薩　　南 無 彌 勒 菩 薩

ná mó yào shàng pú sà　　ná mó mí lè pú sà

Nam Mô Tiêu Tai Chướng Bồ Tát

南 無 消 災 障 菩 薩

ná mó xiāo zāi zhàng pú sà

Nam Mô Tăng Phúc Thọ Bồ Tát

南 無 增 福 壽 菩 薩

ná mó zēng fú shòu pú sà

Nam Mô Nhạc Âm Thụ Hạ Tam Vạn Lục Thiên Bồ Tát

南 無 樂 音 樹 下 三 萬 六 千 菩 薩

ná mó yuè yīn shù xià sān wàn liù qiān pú sà

Nam Mô A Nan Tôn Giả Bát Thiên Tỳ Kheo

南 無 阿 難 尊 者 八 千 比 丘

ná mó ā nàn zūn zhě bā qiān bǐ qiū

Chư Đại Thánh Tăng

諸 大 聖 僧

zhū dà shèng sēng

Nam Mô Cứu Thoát Bồ Tát

南 無 救 脫 菩 薩

ná mó jiù tuō pú sà

Đảnh lễ chư Phật rồi, lại chí tâm sám hối. Đệ tử chúng con

禮 諸 佛 已。至 心 懺 悔。消 災 眾

lǐ zhū fó yǐ zhì xīn chàn huǐ xiāo zāi zhòng

cùng với pháp giới hết thảy chúng sanh, từ vô thỉ đến bây

等。與 法 界 一 切 眾 生。從 無 始

děng yǔ fǎ jiè yí qiè zhòng shēng cóng wú shǐ

giờ, vì ba chướng ràng buộc, che lấp tâm tánh, nên đối với các

來。三 障 所 纏。覆 蔽 心 故。於 諸

lái sān zhàng suǒ chán fù bì xīn gù yú zhū

cảnh trần, sanh lòng tham chấp; ngu si vô trí, thiếu mất

境 緣。妄 生 貪 著。愚 癡 無 智。缺

jìng yuán wàng shēng tān zhuó yú chī wú zhì quē

tín căn, đem thân miệng ý tạo đủ các ác nghiệp, lại còn

於 信 根。以 身 口 意。造 種 種 業。

yú xìn gēn yǐ shēn kǒu yì zào zhǒng zhǒng yè

phỉ báng chánh pháp, phá phạm thi-la (giới luật), triển

乃 至 嫌 謗 正 法。破 犯 尸 羅。展

nǎi zhì xián bàng zhèng fǎ pò fàn shī luó zhǎn

chuyển thường làm những việc bất lợi. Hoặc an trụ nơi tịnh địa

轉 常 為 不 饒 益 事。或 住 淨 地。

zhuǎn cháng wéi bù ráo yì shì huò zhù jìng dì

mà Thánh quả chưa thành, vì cấu thức vi tế hãy còn nên tam

聖 果 未 圓。流 注 細 微。三 昧 難

shèng guǒ wèi yuán liú zhù xì wéi sān mèi nán

muội khó thành tựu. Nay nhờ gặp Đức Dược Sư Lưu Ly Quang

就。今 遇 藥 師 琉 璃 光 如 來。速

jiù jīn yù yào shī liú lí guāng rú lái sù

Như Lai, tội chướng mau tiêu trừ, để thành bậc diệu giác. Nên

除 罪 障。令 成 妙 覺。故 我 至 心

chú zuì zhàng lìng chéng miào jué gù wǒ zhì xīn

con chí tâm quy hướng, đầu thành đảnh lễ, tỏ bày tội lỗi, cầu

歸 向。稽 顙 投 誠。發 露 眾 罪。乞

guī xiàng qǐ sǎng tóu chéng fā lù zhòng zuì qǐ

xin sám hối. Nguyện xin đấng Đại Từ Nguyện Hải, bình đẳng

求 懺 悔。惟 願 大 慈 願 海。平 等

qiú chàn huǐ wéi yuàn dà cí yuàn hǎi píng děng

nhiếp thọ, khiến con và pháp giới nhất thiết chúng sanh, nghiệp

攝 受。使 我 與 法 界 一 切 眾 生。

shè shòu shǐ wǒ yǔ fǎ jiè yí qiè zhòng shēng

chướng cũ tự tiêu mất, không còn có các tai nạn, phá màng vô

宿 障 自 除。眾 難 解 脫。破 無 明

sù zhàng zì chú zhòng nàn jiě tuō pò wú míng

tantan

minh, không sanh phiền não. Đặng chánh kiến khai ngộ, diệu

殼。竭 煩 惱 河。正 見 開 悟。妙 心

ké jié fán nǎo hé zhèng jiàn kāi wù miào xīn

tâm sáng suốt. An trụ Bồ Đề. Hào quang thường hiện tiền.

明 徹。安 住 菩 提。常 光 現 前。無

míng chè ān zhù pú tí cháng guāng xiàn qián wú

Không bệnh, yên vui, sở mong cầu như ý đầy đủ, hết thảy

病 安 樂。如 所 樂 求。一 切 莊 嚴。

bìng ān lè rú suǒ yào qiú yí qiè zhuāng yán

trang nghiêm, các căn thông lợi, đa văn và lý giải thấu suốt.

隨 心 具 足。諸 根 聰 利。多 聞 解

suí xīn jù zú zhū gēn cōng lì duō wén jiě

Giữ phạm hạnh một cách tinh thuần, nhập tam-ma-địa. Vận dụng

了。精 持 梵 行 入 三 摩 地。以 無

liǎo jīng chí fàn hèng rù sān mó dì yǐ wú

vô lượng vô biên trí huệ phương tiện mà làm cho chúng sanh đắc

量 無 邊 智 慧 方 便。令 諸 有 情。得

liàng wú biān zhì huì fāng biàn lìng zhū yǒu qíng dé

mọi đồ dùng, không thiếu chi cả. Khéo tu chủng chủng chư

受 用 物。無 所 乏 少。善 修 種 種

shòu yòng wù wú suǒ fá shǎo shàn xiū zhǒng zhǒng

Bồ Tát hạnh, mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.

諸 菩 薩 行。速 證 無 上 正 等 菩 提。

zhū pú sà hèng sù zhèng wú shàng zhèng děng pú tí

Đến khi sắp lâm chung rõ ràng an vui, quyết được sanh

至 於 臨 欲 命 終。分 明 安 豫。決

zhì yú lín yù mìng zhōng fēn míng ān yù jué

về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới của Phật A Di Đà.

往 西 方。無 量 壽 佛。極 樂 世 界。

wǎng xī fāng wú liàng shòu fó jí lè shì jiè

Tám vị Bồ Tát chỉ đường, tự nhiên hóa sanh trong hoa sen

八 大 菩 薩。示 其 道 路。於 寶 華

bā dà pú sà shì qí dào lù yú bǎo huā

báu, đặng nhờ Phật thọ ký, chứng được pháp vô lượng tổng trì,

中。自 然 化 生。承 佛 授 記。獲 證

zhōng zì rán huà shēng chéng fó shòu jì huò zhèng

thành tựu được tất cả các công đức. Rồi phân thân vô số khắp cả

無 量 陀 羅 尼 門。一 切 功 德。皆

wú liàng tuó luó ní mén yí qiè gōng dé jiē

mười phương thế giới, ở trong một niệm, mà cúng dường tất cả

悉 成 就。然 後 分 身 無 數。遍 十

xī chéng jiù rán hòu fēn shēn wú shù biàn shí

các đức Phật trong pháp giới, cũng ở trong một niệm có thể hiện

方 剎。於 一 念 中。供 養 法 界 一

fāng chà yú yí niàn zhōng gòng yàng fǎ jiè yí

ra vô số thần lực độ thoát pháp giới chúng sanh, thành đẳng

切 諸 佛。於 一 念 中。現 種 種 神

qiè zhū fó yú yí niàn zhōng xiàn zhǒng zhǒng shén

chánh giác. Hư không kia cũng có ngày hết, mà lời phát nguyện

力。度 脫 法 界 一 切 眾 生。成 等

lì dù tuō fǎ jiè yí qiè zhòng shēng chéng děng

của chúng con không bao giờ cùng, phát nguyện sám hối rồi,

正 覺。虛 空 有 盡。我 願 無 窮。懺

zhèng jué xū kōng yǒu jìn wǒ yuàn wú qióng chàn

chúng con xin quy mạng kỉnh lễ Thường Trụ Tam Bảo.

悔 發 願 已。皈 命 禮 常 住 三 寶。

huǐ fā yuàn yǐ guī mìng lǐ cháng zhù sān bǎo

Dược Sư Quán Đảnh Chân Ngôn

藥師灌頂真言

Nam mô bạc dà phạt đế Bệ sát xã
南無薄伽伐帝，鞞殺社，
ná mó bó qié fá dì bì shā shè

Lụ lô thích lưu ly Bát lặt bà
窶嚕薜琉璃，鉢囉婆，
jù lū bì liú lí bō lā pó

Hắc ra xà dã Đát tha yết đa da
喝喇闍也，怛他揭哆耶，
hē là shé yě dá tā jiē duō yé

A ra ha đế Tam miệu tam bồ đà da
阿囉訶帝，三藐三勃陀耶，
ā lā hē dì sān miǎo sān bó tuó yé

Đát điệt tha Án Bệ sát thệ Bệ sát thệ
怛姪他，唵，鞞殺逝，鞞殺逝，
dá zhí tā nān bì shā shì bì shā shì

Bệ sát xã Tam một yết đế ta ha (3 lần)
鞞殺社，三沒揭帝莎訶。(三遍)
bì shā shè sān mò jiē dì suō hē (3 x)

Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn

七佛滅罪真言

Ly bà ly bà đế Cầu ha cầu ha đế
離婆離婆帝，求訶求訶帝，
lí pó lí pó dì qiú hē qiú hē dì

Đà ra ni đế Ni ha ra đế
陀羅尼帝，尼訶囉帝，
tuó luó ní dì ní hē lā dì

Tỳ lê nễ đế Ma ha già đế
毗黎你帝，摩訶伽帝，
pí lí nǐ dì mó hē qié dì

Chơn lăng càn đế Ta bà ha (3 lần)
真陵乾帝，娑婆訶。（三遍）
zhēn líng qián dì suō pó hē (3 x)

Bổ Khuyết Chân Ngôn
補闕真言

Nam mô tam mãn đa Một đà nẫm
南無三滿哆，沒馱喃，
Ná mó sān mǎn duō mò tuó nán

A bát ra đế Yết đa chiết Chiết nại di
阿鉢囉帝，喝多折，折捺彌，
ā bō lā dì hē duō zhé zhé nà mí

Án Kê di kê di Đát tháp cát tháp nẫm
唵，雞彌雞彌，怛塔葛塔喃，
nān jī mí jī mí dá tǎ gě tǎ nán

Mạt ngõa sơn đính bát ra đế
末瓦山矴鉢囉帝，
mò wā shān ding bō lā dì

Ô đát ma đát ma Đát tháp cát tháp nẫm
烏怛摩怛摩，怛塔葛塔喃，
wū dá mó dá mó dá tǎ gě tǎ nán

Mạt ngõa hồng Phấn ta ha (3 lần)
末瓦吽，婆娑訶。（三遍）
mò wǎ hōng pān suō hē (3 x)

Dược Sư hải hội Sí thịnh quang vương

藥 師 海 會。熾 盛 光 王。

yào shī hǎi huì chì shèng guāng wáng

Bát Đại Bồ Tát giáng cát tường

八 大 菩 薩 降 吉 祥。

bā dà pú sà jiàng jí xiáng

Thất Phật trợ tuyên dương

七 佛 助 宣 揚。

qī fó zhù xuān yáng

Nhật nguyệt hồi quang Phúc thọ vĩnh an khang

日 月 迴 光。 福 壽 永 安 康。

rì yuè huí guāng fú shòu yǒng ān kāng

Dược Sư Phật Dược Sư Phật

藥 師 佛。 藥 師 佛。

yào shī fó yào shī fó

Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật

消 災 延 壽 藥 師 佛。

xiāo zāi yán shòu yào shī fó

Nam Mô Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật (3 lần)

南 無 消 災 延 壽 藥 師 佛 （三稱）

ná mó xiāo zāi yán shòu yào shī fó (3 x)

Xướng kệ, nhiễu và niệm Phật, sau đó quỳ trước Phật, đọc bài Di Sơn Phát Nguyện Lễ Phật, xong hồi hướng.
舉佛偈遶壇念佛畢對佛跪諷怡山發願文迴向

Khể thủ đông phương mãn nguyệt giới
稽 首 東 方 滿 月 界
qǐ shǒu dōng fāng mǎn yuè jiè

Vi diệu chánh giác Dược Sư Tôn
微 妙 正 覺 藥 師 尊
wéi miào zhèng jué yào shī zūn

Tam kỳ quả mãn bất tư nghị
三 祇 果 滿 不 思 議
sān qí guǒ mǎn bù sī yì

Thập hiệu danh xưng vô đẳng luân
十 號 名 稱 無 等 倫
shí hào míng chēng wú děng lún

Nhị lục nguyện môn nhân địa phát
二 六 願 門 因 地 發
èr liù yuàn mén yīn dì fā

Bách thiên tướng hảo quả trung viên
百 千 相 好 果 中 圓
bǎi qiān xiàng hǎo guǒ zhōng yuan

Từ bi hải khoát trắc nan lường
慈 悲 海 闊 測 難 量
cí bēi hǎi kuò cè nán liáng

Công đức sơn cao tán mạc tận
功 德 山 高 讚 莫 盡
gōng dé shān gāo zàn mò jìn

Nam Mô Đông Phương Tịnh Lưu Ly Thế Giới
南 無 東 方 淨 琉 璃 世 界
ná mó dōng fāng jìng liú lí shì jiè

Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai
藥 師 琉 璃 光 如 來
yào shī liú lí guāng rú lái

Nam Mô Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật
南 無 消 災 延 壽 藥 師 佛
ná mó xiāo zāi yán shòu yào shī fó

Có thể niệm trăm lần hoặc ngàn lần, sau đó tùy hỷ hồi hướng.
或百聲千聲隨意迴向

Quy mệnh thập phương Điều Ngự Sư
皈 命 十 方 調 御 師。
guī mìng shí fāng tiáo yù shī

Diễn dương thanh tịnh vi diệu pháp
演 揚 清 淨 微 妙 法。
yǎn yáng qīng jìng wéi miào fǎ

Tam thừa tứ quả giải thoát tăng
三 乘 四 果 解 脫 僧。
sān chèng sì guǒ jiě tuō sēng

Nguyện tứ từ bi ai nhiếp thọ
願 賜 慈 悲 哀 攝 受。
yuàn sì cí bēi āi shè shòu

Tiêu tai chúng đẳng Tự vi chân tánh
消 災 眾 等。自 違 真 性。
xiāo zāi zhòng děng zì wéi zhēn xìng

Uổng nhập mê lưu Tùy sanh tử dĩ phiêu trầm
枉 入 迷 流。隨 生 死 以 飄 沉。
wǎng rù mí liú suí shēng sǐ yǐ piāo chén

Trục sắc thanh nhi tham nhiễm Thập triền thập sử
逐 色 聲 而 貪 染。十 纏 十 使。
zhú sè shēng ér tān rǎn shí chán shí shǐ

Tích thành hữu lậu chi nhân Lục căn lục trần
積 成 有 漏 之 因。六 根 六 塵。
jī chéng yǒu lòu zhī yīn liù gēn liù chén

Vọng tác vô biên chi tội Mê luân khổ hải
妄 作 無 邊 之 罪。迷 淪 苦 海。
wàng zuò wú biān zhī zuì mí lún kǔ hǎi

Thâm nịch tà đồ Trước ngã đam nhân
深 溺 邪 途。著 我 耽 人。
shēn nì xié tú zhuó wǒ dān rén

Cử uổng thố trực Lũy sanh nghiệp chướng
舉 枉 措 直。累 生 業 障。
jǔ wǎng cuò zhí lěi shēng yè zhàng

Nhất thiết khiên vưu Ngưỡng Tam Bảo dĩ từ bi
一 切 愆 尤。仰 三 寶 以 慈 悲。
yí qiè qiān yóu yǎng sān bǎo yǐ cí bēi

Lịch nhất tâm nhi sám hối Sở nguyện năng nhân chửng bạt
瀝 一 心 而 懺 悔。所 願 能 仁 拯 拔。
lì yì xīn ér chàn huǐ suǒ yuàn néng rén zhěng bá

Thiện hữu đề huề Xuất phiền não chi thâm uyên
善 友 提 攜。出 煩 惱 之 深 淵。

shàn yǒu tí xī chū fán nǎo zhī shēn yuān

Đáo Bồ Đề chi bỉ ngạn
到 菩 提 之 彼 岸。
dào pú tí zhī bǐ àn

Thử thế phúc cơ mệnh vị Các nguyện xương long
此 世 福 基 命 位。各 願 昌 隆。
cǐ shì fú jī mìng wèi gè yuàn chāng lóng

Lai sanh trí chủng linh miêu Đồng hy tăng tú
來 生 智 種 靈 苗。同 希 增 秀。
lái shēng zhì zhǒng líng miáo tóng xī zēng xiù

Sanh phùng trung quốc Trường ngộ minh sư
生 逢 中 國。 長 遇 明 師。
shēng féng zhōng guó cháng yù míng shī

Chánh tín xuất gia Đồng chân nhập đạo
正 信 出 家。 童 真 入 道。
zhèng xìn chū jiā tóng zhēn rù dào

Lục căn thông lợi Tam nghiệp thuần hòa
六 根 通 利。 三 業 純 和。
liù gēn tōng lì sān yè chún hé

Bất nhiễm thế duyên Thường tu phạm hạnh
不 染 世 緣。 常 修 梵 行。

bù rǎn shì yuán cháng xiū fàn hèng

Chấp trì cấm giới Trần nghiệp bất xâm

執 持 禁 戒。 塵 業 不 侵。

zhí chí jìn jiè chén yè bù qīn

Nghiêm hộ uy nghi Quyên phi vô tổn

嚴 護 威 儀。 蜎 飛 無 損。

yán hù wēi yí yuan fēi wú sǔn

Bất phùng bát nạn Bất khuyết tứ duyên

不 逢 八 難。 不 缺 四 緣。

bù féng bā nàn bù quē sì yuán

Bát Nhã trí dĩ hiện tiền

般 若 智 以 現 前。

bō rě zhì yǐ xiàn qián

Bồ Đề tâm nhi bất thối Tu tập chánh pháp

菩 提 心 而 不 退。修 習 正 法。

pú tí xīn ér bú tuì xiū xí zhèng fǎ

Liễu ngộ đại thừa Khai lục độ chi hạnh môn

了 悟 大 乘。開 六 度 之 行 門。

liǎo wù dà chèng kāi liù dù zhī hèng mén

Việt tam kỳ chi kiếp hải Kiến pháp tràng ư xứ xứ

越 三 祇 之 劫 海。建 法 幢 於 處 處。

yuè sān qí zhī jié hǎi jiàn fǎ chuáng yú chù chù

Phá nghi võng ư trùng trùng Hàng phục chúng ma

破 疑 網 於 重 重。降 伏 眾 魔。

pò yí wǎng yú chóng chóng xiáng fú zhòng mó

Thiệu long Tam Bảo Thừa sự thập phương chư Phật

紹 隆 三 寶。承 事 十 方 諸 佛。

shào lóng sān bǎo chéng shì shí fāng zhū fó

Vô hữu bì lao Tu học nhất thiết pháp môn

無 有 疲 勞。修 學 一 切 法 門。

wú yǒu pí láo xiū xué yí qiè fǎ mén

Tất giai thông đạt Quảng tác phúc tuệ

悉 皆 通 達。廣 作 福 慧。

xī jiē tōng dá guǎng zuò fú huì

Phổ lợi trần sa Đắc lục chủng chi thần thông

普 利 塵 沙。得 六 種 之 神 通。

pǔ lì chén shā dé liù zhǒng zhī shén tōng

Viên nhất sanh chi Phật quả

圓 一 生 之 佛 果。

yuán yì shēng zhī fó guǒ

Nhiên hậu Bất xả pháp giới
然 後。不 捨 法 界。
rán hòu bù shě fǎ jiè

Biến nhập trần lao Đẳng Quán Âm chi từ tâm
遍 入 塵 勞。等 觀 音 之 慈 心。
biàn rù chén láo děng guān yīn zhī cí xīn

Hành Phổ Hiền chi nguyện hải Tha phương thử giới
行 普 賢 之 願 海。他 方 此 界。
xíng pǔ xián zhī yuan hǎi tā fāng cǐ jiè

Trục loại tùy hình Ứng hiện sắc thân
逐 類 隨 形。應 現 色 身。
zhú lèi suí xíng yìng xiàn sè shēn

Diễn dương diệu pháp Nê lê khổ thú
演 揚 妙 法。泥 犁 苦 趣。
yǎn yáng miào fǎ ní lí kǔ qù

Ngạ quỷ đạo trung Hoặc phóng đại quang minh
餓 鬼 道 中。或 放 大 光 明。
è guǐ dào zhōng huò fàng dà guāng míng

Hoặc hiện chư thần biến Kỳ hữu kiến ngã tướng
或 現 諸 神 變。其 有 見 我 相。

huò xiàn zhū shén biàn qí yǒu jiàn wǒ xiàng

Nãi chí văn ngã danh Giai phát Bồ Đề tâm
乃至聞我名。皆發菩提心。
nǎi zhì wén wǒ míng jiē fā pú tí xīn

Vĩnh xuất luân hồi khổ Hỏa hoạch băng hà chi địa
永出輪迴苦。火鑊冰河之地。
yǒng chū lún huí kǔ huǒ huò bīng hé zhī dì

Biến tác hương lâm Ẩm đồng thực thiết chi đồ
變作香林。飲銅食鐵之徒。
biàn zuò xiāng lín yǐn tóng shí tiě zhī tú

Hóa sanh tịnh độ Phi mao đái giác
化生淨土。披毛戴角。
huà shēng jìng dù pī máo dài jiǎo

Phụ trái hàm oán Tận bãi tân toan
負債含怨。盡罷辛酸。
fù zhài hán yuàn jìn bà xīn suān

Hàm triêm lợi lạc Tật dịch thế nhi hiện vi dược thảo
咸霑利樂。疾疫世而現為藥草。
xián zhān lì lè jí yì shì ér xiàn wéi yào cǎo

Cứu liệu trầm kha Cơ cận thời nhi hóa tác đạo lương

救 療 沉 疴。饑 饉 時 而 化 作 稻 粱。

jiù liáo chén kē jī jǐn shí ér huà zuò dào liáng

Tế chư bần nỗi Đãn hữu lợi ích
濟 諸 貧 餒。但 有 利 益。
jì zhū pín něi dàn yǒu lì yì

Vô bất hung sùng Thứ kỳ lũy thế oan thân
無 不 興 崇。次 期 累 世 冤 親。
wú bù xīng chóng cì qí lěi shì yuān qīn

Hiện tồn quyến thuộc Xuất tứ sanh chi cốt một
現 存 眷 屬。出 四 生 之 汨 沒。
xiàn cún juàn shǔ chū sì shēng zhī gǔ mò

Xả vạn kiếp chi ái triền Đẳng dữ hàm sanh
捨 萬 劫 之 愛 纏。等 與 含 生。
shě wàn jié zhī ài chán děng yǔ hán shēng

Tề thành Phật đạo Hư không hữu tận
齊 成 佛 道。虛 空 有 盡。
qí chéng fó dào xū kōng yǒu jìn

Ngã nguyện vô cùng Tình dữ vô tình
我 願 無 窮。情 與 無 情。
wǒ yuàn wú qióng qíng yǔ wú qíng

Đồng viên chủng trí

同 圓 種 智。

tóng yuán zhǒng zhì

Nam Mô Cầu Sám Hối Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

南 無 求 懺 悔 菩 薩 摩 訶 薩 （三稱）

ná mó qiú chàn huǐ pú sà mó hē sà (3 x)

Hồi Hướng Công Đức

迴向功德

Lễ sám công đức thù thắng hạnh

禮 懺 功 德 殊 勝 行

lǐ chàn gōng dé shū sheng hèng

Vô biên thắng phúc giai hồi hướng

無 邊 勝 福 皆 迴 向；

wú biān sheng fú jiē huí xiàng

Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh

普 願 沉 溺 諸 眾 生

pǔ yuàn chén nì zhū zhòng sheng

Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát

速 往 無 量 光 佛 剎。

sù wǎng wú liàng guāng fó chà

Dĩ thượng nhân duyên tam thế Phật
已 上 因 緣 三 世 佛 。
yǐ shàng yīn yuán sān shì fó

Văn Thù Phổ Hiền Quán Tự Tại
文 殊 普 賢 觀 自 在 ，
wén shū pǔ xián guān zì zài

Chư tôn Bồ Tát Ma Ha Tát
諸 尊 菩 薩 摩 訶 薩 ，
zhū zūn pú sà mó hē sà

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật
摩 訶 般 若 波 羅 蜜 。
mó hē bō rě bō luó mì

Xử thế giới Nhược hư không
處 世 界 。 若 虛 空 。
chǔ shì jiè ruò xū kōng

Tự liên hoa Bất trước thủy
似 蓮 華 。 不 著 水 。
sì lián huā bù zhuó shuǐ

Tâm thanh tịnh Siêu ư bỉ
心 清 淨 。 超 於 彼 。
xīn qīng jìng chāo yú bǐ

Khể thủ lễ Vô Thượng Tôn

稽 首 禮 。 無 上 尊 。

qǐ shǒu lǐ wú shàng zūn

Tự quy y Phật Đương nguyện chúng sanh
自 皈 依 佛， 當 願 眾 生，
zì guī yī fó dāng yuàn zhòng shēng

Thể giải đại đạo Phát vô thượng tâm
體 解 大 道， 發 無 上 心。
tǐ jiě dà dào fā wú shàng xīn

Tự quy y Pháp Đương nguyện chúng sanh
自 皈 依 法， 當 願 眾 生，
zì guī yī fǎ dāng yuàn zhòng shēng

Thâm nhập Kinh Tạng Trí tuệ như hải
深 入 經 藏， 智 慧 如 海。
shēn rù jīng zàng zhì huì rú hǎi

Tự quy y Tăng Đương nguyện chúng sanh
自 皈 依 僧， 當 願 眾 生，
zì guī yī sēng dāng yuàn zhòng shēng

Thống lý đại chúng Nhất thiết vô ngại
統 理 大 眾， 一 切 無 礙，
tǒng lǐ dà zhòng yí qiè wú ài

Hòa Nam Thánh Chúng
和 南 聖 眾。
hé nán shèng zhòng

Con xưa đã tạo bao ác nghiệp
往 昔 所 造 諸 惡 業，
wǎng xī suǒ zào zhū è yè

Đều bởi vô thỉ tham sân si
皆 有 無 始 貪 瞋 痴，
jiē yǒu wú shǐ tān chēn chī

Từ thân, miệng, ý mà sanh ra
從 身 語 意 之 所 生，
cóng shēn yǔ yì zhī suǒ sheng

Tất cả con nay xin sám hối.
今 對 佛 前 求 懺 悔.
jīn duì fó qián qiú chàn huǐ

Thâm tín chư Phật giai sung mãn.
深 信 諸 佛 皆 充 滿
shēn xìn zhū fó jiē chōng mǎn

Đệ tử cầu sám hối
弟 子 求 懺 悔
dì zi qiú chàn huǐ

Giải liễu oán, sám liễu tội, án a hồng
解 了 冤，懺 了 罪， 唵 啞 吽
jiě liao yuān, chàn liao zuì, ǎn yǎ hōng

Đệ tử chí tâm cầu sám hối, cầu sám hối.
弟 子 至 心 求 懺 悔，求 懺 悔
dì zi zhì xīn qiú chàn huǐ, qiú chàn huǐ

Đệ tử chí tâm cầu sám hối, cầu sám hối.
唵 室 哩 多 室 哩 多 军 吒 利 娑 婆 訶
ǎn shì lī duō shì lī duō jūn zhā lì suō pó hē

Lễ kính chư Phật Bồ Tát Ma Ha Tát
禮 敬 諸 佛 菩 薩 摩 訶 薩
lǐ jìng zhū fó pú sà mó hē sà

唵 嘛 呢 叭 咪 吽
om ma ni pad me hum

Dược Sư Hải Hội Phật Bồ Tát
藥 師 海 會 佛 菩 薩
yào shī hǎi huì fó pú sà

Đại từ đại bi mẫn chúng sanh
大 慈 大 悲 愍 眾 生
dà cí dà bēi mǐn zhòng shēng

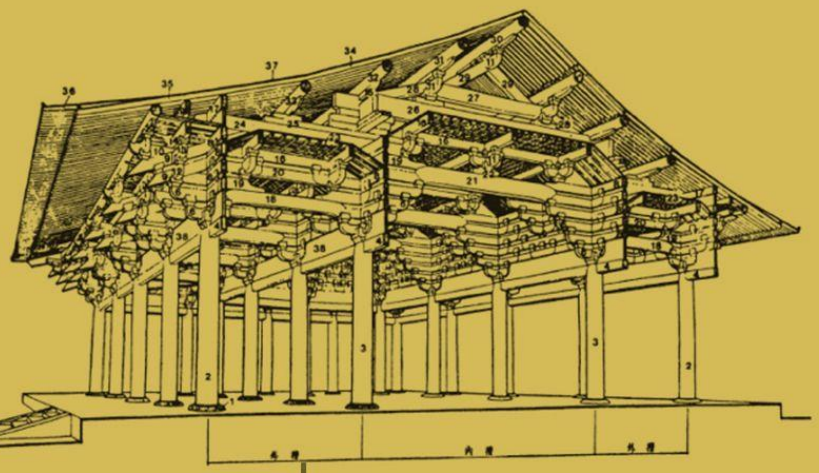

Khể thủ đông phương mãn nguyệt giới,
Vi diệu chánh giác Dược Sư Tôn,
Tam ky quả mãn bất tư nghị,
Thập hiệu danh xưng vô đẳng luân,
Nhị lục nguyện môn nhân địa phát,
Bách thiên tướng hảo quả trung viên,
Từ bi hải khoát trăc nan lường,
Công đức sơn cao tán mạc tận.